



DSPACE

<https://dspace.org/>

**Chuyên Phát huy dân ch và thc hành dân ch trong iu kin
mt ng cm quyn Vit Nam hin nay: Dùng cho ào to trình i
hc Cnh sát nhân dân, các h hc**

Trnh Mng Kha

2025

Trng i hc CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/56>

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN

CHUYÊN ĐỀ

PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH
DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT
ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân, các hệ học)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2025

ThS. Trịnh Mộng Kha

CHUYÊN ĐỀ

PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ
THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG
ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân, các hệ học)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2025

BAN BIÊN SOẠN CHUYÊN ĐỀ

Chủ biên: ThS. Trịnh Mộng Kha - Khoa LLCT & KHXHNV

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHUYÊN ĐỀ

Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND, các hệ học

(Ban hành kèm theo Quyết định số 919/QĐ -T05 ngày 17/4/2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học CSND)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh trong hội đồng
1	PGS. TS Nguyễn Giang Nam	Phó Hiệu trưởng	T05	Chủ tịch
2	PGS.TS Nguyễn Ngọc Sơn	Trưởng phòng	T05	UV Phản biện 1
3	PGS.TS Trần Ngọc Đức	Trưởng khoa	T05	UV Phản biện 2
4	ThS Nguyễn Huy Thông	Cán bộ	T05	Thư ký
5	PGS. TS Vũ Hoàng Toàn	Phó Trưởng khoa	T05	Ủy viên
6	TS Ngô Quang Cảnh	Phó Trưởng khoa	T05	Ủy viên
7	TS Ngô Đức Việt	Phó Trưởng phòng	T05	Ủy viên
(Thư ký hành chính: ThS Nguyễn Thị Mai Thanh - Cán bộ phòng QLNCKH)				

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện theo kế hoạch của Trường Đại học Cảnh sát nhân dân về việc biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học năm học 2024 – 2025 và Quyết định số 2404/QĐ - T05 ngày 21/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cảnh sát nhân dân về việc giao biên soạn tài liệu dạy học năm học 2024 – 2025. Khoa LLCT & KHXHNV đã tiến hành biên soạn chuyên đề “Phát huy dân chủ và thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay”. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với tình hình đất nước nói chung và lĩnh vực chính trị nói riêng. Đặc biệt đối với Việt Nam là quốc gia với một đảng duy nhất cầm quyền và từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Hơn 95 năm qua, với tư cách đảng cầm quyền, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đưa Nhân dân lên làm chủ đất nước, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao vị thế và trình độ làm chủ xã hội của Nhân dân.

Chuyên đề sẽ góp phần bổ sung một số nội dung lý luận, thực tiễn phục vụ cho việc nghiên cứu các học phần lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân ở các hệ, chuyên ngành đào tạo. Trong đó tập trung phân tích lý luận về dân chủ, thực hành dân chủ; quan điểm, phương hướng, giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam hiện nay. Từ đó giúp cho cán bộ, học viên có điều kiện tìm hiểu, nắm rõ hơn các nội dung liên quan và thông qua đó xây dựng, củng cố lập trường tư tưởng ngày càng vững vàng vào Đảng, vào con đường mà Đảng đã lựa chọn, trên cơ sở đó có thể đấu tranh lại những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Để làm rõ những nội dung nói trên, chuyên đề được bố cục thành hai chương, tập trung phân tích ở hai vấn đề cơ bản sau:

Một là, Một số vấn đề lý luận về dân chủ và thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay.

Hai là, Thực trạng và giải pháp phát huy dân chủ và thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay.

Trong quá trình biên soạn chuyên đề cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, vì vậy rất mong nhận được sự đóng góp của các độc giả để giúp cho chuyên đề được hoàn thiện hơn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ

1. Một số vấn đề lý luận về dân chủ

a. Quan niệm chung về dân chủ

Dân chủ là một phạm trù triết học - chính trị, lần đầu tiên được nhà triết học Hy Lạp cổ đại Herodote nêu ra cách đây hơn 2.000 năm. Trong tác phẩm Lịch sử, ông đã giải thích dân chủ là quyền lực của nhân dân. Cả Herodote, sau này là Platon và Aristotle, đều sử dụng thuật ngữ dân chủ với hàm ý chỉ chính thể của nhân dân và chia sẻ luận điểm về quyền lực thuộc về nhân dân vốn xuất phát từ tiếng Hy Lạp: dân (demo) và quyền lực (cratos). Dân chủ sau đó đã trở thành một phương thức tổ chức nhà nước và quản lý xã hội vào thời kỳ hưng thịnh của chế độ chế độ chiếm hữu nô lệ ở châu Âu với sự xuất hiện và ảnh hưởng lan tỏa của nền dân chủ đầu tiên của xã hội loài người - nền dân chủ Athens. Nền dân chủ ấy đã có sức sống mãnh liệt trải qua của ngàn năm trung cổ phong kiến, trỗi dậy ở thời kỳ Phục hưng và phát triển cho đến tận ngày nay.

Dân chủ có lịch sử dài với nhiều nội dung, tồn tại dưới nhiều hình thức và trải qua các giai đoạn tiến triển khác nhau. Song, tựu trung theo cách hiểu hiện đại, dân chủ có ba nội dung cơ bản:

Một là, theo nội dung dân chủ chính trị thì “dân chủ là một phạm trù thuộc riêng lĩnh vực chính trị”¹; còn “chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước”². Đây là nội dung cốt lõi nhất và cũng là nội dung quan trọng nhất. Vì vậy, trong một thời gian dài, không ít người theo quan điểm giáo điều coi đây gần như là nội dung duy nhất của phạm trù dân chủ.

Hai là, dân chủ là một hình thức của các tổ chức phi nhà nước, như các tổ chức chính trị - xã hội trong các xã hội dân sự. Hình thức này đã có từ trước khi có nhà nước. Tuy nhiên, nội dung này trong thế giới đương đại ngày càng được thừa nhận rộng rãi hơn vì nó phù hợp với tiến trình vận động đi lên của xã hội trong điều kiện đòi hỏi ngày càng tăng đối với vai trò của quyền nhân lực Nhân dân.

¹ V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.258.

² V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.33, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.123.

Ba là, dân chủ là một giá trị xã hội mang tính toàn nhân loại như đã nói ở trên; do vậy, nhà nước có thể tiêu vong nhưng không vì thế mà dân chủ mất đi. Với tính cách một giá trị xã hội, dân chủ có nghĩa là “dân là chủ” và “dân làm chủ”.

Với những nội dung như vậy, rõ ràng dân chủ không chỉ là phạm trù chính trị mà còn là phạm trù xã hội, không chỉ là phạm trù lịch sử mà còn là phạm trù vĩnh viễn hay vĩnh cửu với ý nghĩa chừng nào con người còn tồn tại, chừng nào mà nền văn minh nhân loại chưa bị diệt vong thì chừng đó dân chủ sẽ không bị mất đi. Vì vậy, mặc dù dân chủ với tính cách hình thức tổ chức nhà nước là nội dung cơ bản nhất, cốt lõi nhất nhưng nếu coi dân chủ chỉ là hình thức tổ chức nhà nước thì, vô hình trung, không những đã làm nghèo nội hàm khái niệm dân chủ mà còn không phản ánh đúng giá trị lâu dài của dân chủ và cũng không đúng với thực tế lịch sử văn minh nhân loại. Điều đó cũng có nghĩa, nếu giả định đến một lúc nào đó (chắc chắn sẽ còn rất lâu) khi nhà nước tiêu vong thì dân chủ với các nội dung khác nhau như đã nêu ở trên vẫn tiếp tục tồn tại; bởi lẽ, nó là một giá trị nhân loại phổ biến.

b. Quan niệm chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ

Quan niệm chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, dân chủ không phải cái gì khác hơn là một phạm trù lịch sử. Nó là một phạm trù thuộc về ý thức xã hội và kiến trúc thượng tầng của xã hội khi hóa thân thành tư tưởng, pháp luật, thể chế và nhà nước. Theo đó, dân chủ, với tính cách hình thức tổ chức chính trị của nhà nước, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của nhà nước và pháp luật. Là một phạm trù lịch sử, cũng như những biểu hiện khác của hình thái ý thức xã hội, dân chủ do tồn tại xã hội mà cụ thể là phương thức sản xuất vật chất của xã hội quyết định; do đó, trình độ của phương thức sản xuất khác nhau tất yếu dẫn đến sự khác nhau về trình độ dân chủ (mức độ thực hiện dân chủ và dân chủ hóa trong xã hội). Hơn nữa, các ông nhấn mạnh rằng, với cách một phạm trù lịch sử, dân chủ cũng sẽ mất đi cùng với sự mất đi, sự tiêu vong của nhà nước.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, dân chủ chỉ đơn thuần là một phương tiện tất yếu để con người đạt được tự do, giải phóng toàn diện những năng lực vốn có của mỗi cá nhân, tức quyền con người được bảo đảm và thực hiện đầy đủ, và khi ấy con người, cùng với sự biến mất của nhà nước, của thiết chế chính trị - xã hội tiên tiến nhất và cuối cùng của loài người, sẽ bước từ “vương quốc của tất yếu” sang “vương quốc của tự do”. Với tư cách này, dân chủ đóng vai trò là phương tiện để đạt được tự do, sự giải phóng con người về mọi mặt và như vậy, dân chủ là tiền đề của tự do. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển lịch sử nhân loại, có thể khẳng định rằng sự xuất hiện và phổ biến của hình thức tổ chức thiết chế chính trị - xã

hội mang tính dân chủ và sau đó là dân chủ hóa, là một bước tiến vĩ đại của xã hội loài người trên con đường đi tìm sự giải phóng chính mình. Mặc dù chỉ là một phương tiện để con người từng bước đạt được tự do, nhưng nó lại chính là tiền đề quan trọng để cá nhân - con người đạt được tự do, giải phóng và hiện thực hóa đầy đủ quyền của mình.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác thường sử dụng khái niệm dân chủ trên nhiều phương diện khác nhau của xã hội, như phương diện chế độ chính trị, phương diện quyền lợi nhân dân, phương diện quản lý tổ chức, phương diện quan niệm tư tưởng, phương diện tác phong làm việc và phương pháp làm việc,... Tất nhiên, khái niệm dân chủ được nói đến nhiều nhất trên phương diện chế độ chính trị và đây là vấn đề quan trọng cần thảo luận.

Thứ nhất, trên phương diện chế độ chính trị, chủ nghĩa Mác đã lý giải khái niệm dân chủ như một hình thức nhà nước hay một hình thái nhà nước, như chế độ dân chủ hay chính thể dân chủ. C.Mác, trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*, đã gọi chế độ quân chủ và chế độ dân chủ là chế độ nhà nước³. Đồng thời, ông còn cho rằng đây là hai kiểu nhà nước cơ bản không giống nhau. Do chế độ quân chủ là chế độ chuyên chế “trẫm (ta) là nhà nước” nên bị C.Mác lên án là “chế độ nhà nước không tốt”, còn chế độ dân chủ được ông gọi là “chế độ nhà nước của nhân dân”. C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra khái niệm “chính thể dân chủ”, gọi chế độ dân chủ là một kiểu “chính thể”. V.I. Lênin khẳng định: “Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái nhà nước”⁴.

Chủ nghĩa Mác chỉ ra rằng, chế độ dân chủ làm nên một hình thức nhà nước, hình thái nhà nước, trong lịch sử loại nó xuất hiện cùng với sự xuất hiện của chế độ tư hữu, của giai cấp và của nhà nước; tính chất của nó căn bản không giống kiểu “chế độ dân chủ hình thành tự nhiên thời kỳ nguyên thủy” trong xã hội nguyên thủy. Trong xã hội của giai cấp bóc lột, chính thể dân chủ giống với chính thể quân chủ và chính thể quý tộc, về thực chất, đều chỉ là công cụ giúp giai cấp sử dụng địa vị thống trị về chính trị và kinh tế thống trị đối với các giai cấp khác.

Dân chủ và chuyên chính là hai chức năng khác nhau nhưng không thể tách rời chế độ nhà nước dân chủ; về bản chất, nó thường là dân chủ mà giai cấp thống trị được hưởng, nhưng đối với giai cấp bị thống trị thì lại là chuyên chính. Thực hiện chủ dân trong nội bộ giai cấp thống trị là nhằm tổ chức cho giai cấp thống trị, để tiến hành chuyên chính đối với giai cấp bị trị; mặt khác, thực hiện chuyên chính đối với giai cấp thiết bị thống trị là để cho giai cấp thống trị càng được

³ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.350.

⁴ V.I. Lênin, *Toàn tập*, t.33, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.123.

hưởng lợi từ dân chủ nhiều hơn nữa. Do đó, hai mục đích này là thống nhất với nhau, cùng hỗ trợ và dựa vào nhau để tồn tại, đều nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị. Tuy nhiên, xét từ góc độ tác động và đối tượng mà nó tác động đến, dân chủ và chuyên chế lại có những điểm khác biệt. Chuyên chế có nghĩa là thống trị, cưỡng chế và ép buộc, có mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp với lực lượng bạo lực. V.I.Lênin đã từng nói, sự trấn áp một giai cấp có nghĩa là sự bất bình đẳng đối với giai cấp ấy, là loại trừ nó ra ngoài “chế độ dân chủ”⁵. Do đó, chuyên chính có nghĩa là không nói đến dân chủ đối với giai cấp bị chuyên chế.

Thứ hai, chủ nghĩa Mác cũng sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện quyền lợi của nhân dân, là vấn đề quyền lợi dân chủ được hiểu theo nghĩa rộng.

C.Mác cho rằng, nhân dân nên là chủ nhân của nhà nước. Quyền lợi căn bản nhất của nhân dân chính là quyền lực nhà nước phải thuộc sở hữu của nhân dân, chủ sở hữu của xã hội; đồng thời, bộ máy nước phải phục vụ vì nhân dân, vì xã hội. Chỉ khi mọi quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân mới có thể căn bản bảo đảm việc dân được hưởng quyền làm chủ, hưởng quyền lợi dân chủ khắp mọi nơi. Trong tác phẩm Nhà nước và cách mạng, V.I.Lênin cho rằng dân chủ là việc làm nhân dân được hưởng quyền tham gia quyết định chế độ nhà nước và quản lý nhà nước. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, V.I.Lênin khẳng định: Quần chúng họ phải có quyền tự mình tranh cử những người lãnh đạo có trách nhiệm, có quyền thay đổi những người lãnh đạo của mình, có quyền được hiểu và kiểm tra từng bước nhỏ nhất trong hoạt động của những người đó. Quần chúng phải có quyền được đề bạt trong nội bộ của họ bất kỳ một công nhân nào lên phụ trách chức vụ lãnh đạo.

Thứ ba, chủ nghĩa Mác cũng sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện quản lý tổ chức, gọi nó là nguyên tắc dân chủ trong quản lý tổ chức.

Trong Điều lệ tạm thời của Hiệp hội Công nhân quốc tế do C.Mác soạn thảo và được thông qua năm 1864 đã chỉ rõ: Trong nội bộ Hiệp hội công nhân quốc tế cần thực hiện nguyên tắc dân chủ, mọi thành viên không phân biệt màu da hay dân tộc đều bình đẳng như nhau; Hiệp hội tiến hành làm việc và tổ chức hoàn thiện tuân theo nguyên tắc dân chủ⁶. V.I.Lênin cũng nhiều lần làm sáng tỏ nguyên tắc tổ chức dân chủ trong nội bộ Đảng Lao động dân chủ xã hội Nga, đồng thời đưa ra khái niệm “chế độ tập trung dân chủ”. Ông nhấn mạnh rằng, cần thực sự thực hiện những nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức đảng, bằng một công tác bền bỉ, tìm cách làm cho tổ chức cơ sở, trên thực tế chứ không phải trên

⁵ V.I.Lênin, Toàn tập, t.37, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.316.

⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.16, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.25.

lời nói, trở thành hạt nhân tổ chức cơ bản của Đảng, làm cho tất cả các cơ quan cấp trên đều thực sự được bầu ra, có trách nhiệm phải báo cáo công tác và có thể bị bãi miễn⁷; rằng, tổ chức quyền cần “thống nhất hành động nếu không có tự động thảo luận và phê bình”⁸. Nói tóm lại, trước khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, nguyên tắc dân chủ của chủ nghĩa Mác chủ yếu vận dụng trong các kiểu quản lý tổ chức của giai cấp vô sản và nhân dân lao động, đặc biệt là vận dụng nó trong công tác tổ chức của chính đảng giai cấp vô sản. Sau khi giành được chính quyền, chính đảng của giai cấp vô sản gánh vác nhiệm vụ vô cùng quan trọng là lãnh đạo xây dựng nền chính trị, kinh tế và văn hóa; vì vậy, nguyên tắc dân chủ cũng được sử dụng rộng rãi trong quá trình quản lý các sự vụ của nhà nước và xã hội, quản lý sự nghiệp kinh tế và văn hóa. Do Đảng Cộng sản đóng vai trò lãnh đạo nên dân chủ trong Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đồng thời có ảnh hưởng rất lớn đối với Nhà nước và xã hội.

Thứ tư, chủ nghĩa Mác còn sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện quan niệm tư tưởng, đây chính là quan niệm về dân chủ và tinh thần dân chủ.

Trong tác phẩm Góp phần phê bình pháp học pháp quyền của Hegel, C.Mác đã phê phán quan điểm duy tâm chủ nghĩa của Hegel về nhà nước, cho rằng có sự tồn tại hiện thực của mệnh đề gia đình và xã hội công dân là những tiền đề của nhà nước⁹. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn không có nghĩa C.Mác phản đối việc sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện quan niệm tư tưởng. Trên thực tế, ông tiến hành so sánh một cách tường tận chế độ dân chủ và chế độ quân chủ, làm rõ quy định về chất của chế độ dân chủ, mục đích chính là muốn đưa ra quan niệm về dân chủ phát triển thành một lý luận dân chủ truyền thống. Sau này, trong tác phẩm Phê phán khoa kinh tế chính trị (bản nháp sơ thảo những năm 1857-1858), C.Mác còn bàn đến quan niệm thuần túy về vấn đề bình đẳng và tự do: “Với tư cách là những tư tưởng thuần túy, bình đẳng và tự do chỉ là những biểu hiện đã được lý tưởng hóa của sự trao đổi các giá trị trao đổi”¹⁰. Chủ nghĩa Mác, khi bàn đến quan niệm về dân chủ và tinh thần dân chủ, thường kiên trì quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử về tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, yêu cầu làm rõ quan niệm về dân chủ, tinh thần dân chủ xuất hiện dựa trên điều kiện cụ thể của lịch xã hội và yêu cầu về sự thể hiện thực tế của chúng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa.

⁷ V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.77.

⁸ V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.14, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.163.

⁹ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.313.

¹⁰ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.46, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.318.

V.I. Lênin đặc biệt nhấn mạnh, trên lĩnh vực tư tưởng, cần phải “đoạn tuyệt hẳn với toàn bộ hệ tư tưởng dân chủ - tư sản”¹¹. Ông tiếp tục chỉ rõ rằng, khái niệm tự do và bình đẳng nếu không quy kết là xóa bỏ giai cấp thì chỉ là lừa bịp và ngu dốt. Theo ông, việc xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và tàn tích của nó, việc thiết lập những cơ sở của chế độ cộng sản là nội dung của cái thời đại mới vừa mới bắt đầu của lịch sử toàn thế giới. Và những khẩu hiệu của thời đại chúng ta là: “Xóa bỏ các giai cấp, thiết lập chuyên chính vô sản để thực hiện mục tiêu đó, thẳng tay vạch trần những thiên kiến dân chủ tiểu tư sản về tự do và bình đẳng, đấu tranh không khoan nhượng những thiên kiến”¹². V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh rằng, nếu ai không hiểu được điều này thì người đó hoàn toàn không hiểu được chuyên chính vô sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Những phân tích ở trên cho thấy, chủ nghĩa Mác chủ trương mở rộng khái niệm dân chủ trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, hình thái nhà nước sử dụng chế độ chính trị dân chủ là căn bản nhất; do vậy, nó là hình thức căn bản của chính quyền nhà nước của tổ chức giai cấp thống trị, thể hiện ý chí, nguyện vọng của chính mình. Song, quyền dân chủ, nguyên tắc quản lý dân chủ, quan niệm về dân chủ, tác phong dân chủ và phương pháp dân chủ đối với quá trình vận hành và thực hiện chế độ dân chủ cũng phát huy tác dụng quan trọng và không thể coi nhẹ.

c. Bản chất và đặc trưng của dân chủ

Kế thừa lý luận trước đó về dân chủ, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác không hề phủ nhận những hình thức hiện hữu của dân chủ là dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tuy nhiên, các ông nhấn mạnh cái bản chất hơn là đi sâu vào nội hàm các dân thức dân chủ. Dân chủ là hình thức tổ chức thiết kế chính trị - xã hội tất yếu của bất kỳ một xã hội nào trước khi phủ định chính nó để bước sang một hình thức tổ chức thiết kế xã hội hoàn hảo nhất, hình thức phi nhà nước - chính trị, giai đoạn phát triển cao nhất của xã hội loài người, tức xã hội cộng sản.

Dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp là hai hình thức không thể thiếu được của việc quản lý, điều hành, kiểm soát và thực thi quyền lực của nhân dân. Việc vận dụng chúng hoàn toàn phụ thuộc vào tình hình cụ thể. Giữa hai hình thức này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và chuyển hóa lẫn nhau. Để thực hiện được dân chủ đại diện thì phải cần đến dân chủ trực tiếp. Xét về bản chất và nội dung của dân chủ, dân chủ trực tiếp là hình thức quan trọng nhất và có tính quyết định thực hiện hóa quyền dân chủ của công dân. Dân chủ trực tiếp tạo ra nhiều khả năng cho sự tham gia trực tiếp và nhiều mặt của người dân vào các công việc

¹¹ V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.38, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.466.

¹² V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.41, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.504-505.

của nhà nước và xã hội, là cơ chế hữu hiệu để mỗi công dân thực hiện các quyền chính trị của mình. Bởi vì, nền dân chủ phổ biến hay chặt hẹp phải là khả năng thực hiện trước hết và phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ và phạm vi tham gia của nhân dân vào các công việc của nhà nước, tức là sự thực hiện và bảo đảm đầy đủ hay hạn chế các quyền chính trị của công dân. Chỉ có dân chủ trực tiếp mới có thể hiện thực hóa ý chí trực tiếp một cách hiệu quả nhất và xác thực nhất của công dân trong việc tham gia vào mọi quyết sách và quản trị công nói chung. Vì vậy, trong bất kỳ nền tảng dân chủ đại diện nào cũng cần được thiết kế và hướng đến việc gia tăng không ngừng cách thức thực hành quyền dân chủ trực tiếp của người dân. Làm được như vậy, nền dân chủ đại diện sẽ có sức sống thực sự và góp phần quan trọng vào việc tạo lập một xã hội hiện đại, phát triển bền vững.

d. Vấn đề dân chủ và tính đặc thù dân chủ ở Việt Nam

- Quan niệm về dân chủ trong lịch sử Việt Nam

Lấy dân làm gốc là quan niệm chính trị nền tảng của Nho giáo. Kinh Thư có câu: “Dân vì bang bản, bản cố bang ninh” (Dân là gốc của nước, gốc có cứng thì nước mới yên ổn). Mạnh Tử phát triển tư tưởng này, coi dân là quan trọng nhất, nước đứng thứ hai, còn vua là nhẹ nhất (Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh). Xuất phát từ truyền thống Việt Nam, với cách diễn đạt Nho giáo, các vị vua triều Lý ngay từ những buổi đầu giai đoạn tự chủ cũng khẳng định vai trò quan trọng đặc biệt của nhân dân; khẳng định sự tồn vong của đất nước, của vương quyền, sự vững mạnh của dân tộc có được hay không là nhờ vào nhân dân.

Khi giải quyết việc chuyển đô từ Hoa Lư về Thăng Long, Lý Thái Tổ cũng coi đây là mệnh trời và ý dân. Sử sách có ghi: “Vua thấy thành Hoa Lư ảm thấp chật hẹp, không đủ chỗ ở của đế vương, muốn rời đi nơi khác, tự tay viết tham chiếu truyền rằng: “Ngày xưa, nhà Thương đến đời Bàn Canh năm lần dời đô, nhà Chu đến Thành Vương ba lần dời đô, há phải các vua thời Tam đại ấy theo ý riêng tự chuyển đô xằng bậy đâu. Làm như thế cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có tiện thì dời đổi, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh... Trẫm muốn nhân địa lợi mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?”. Bề tôi đều nói: “Bệ hạ vì thiên hạ lập kế dài lâu, trên cho nghiệp đế được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế, ai hòa không theo”. Vua cả mừng”¹³.

Quan niệm gắn thiên mệnh với dân ý, vua phải có trách nhiệm yêu dân được thể hiện trong nhiều triều đại sau. Ví dụ, Mạc Đăng Dung thể hiện rất rõ ràng:

¹³ *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội các quan bản - Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)), Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.II, tờ 1a, tr. 80-81.

“Trời lập vua là vì dân, vua vâng mệnh trời là thương dân”¹⁴. Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân, đây là quan niệm phổ biến của giới nho sĩ.

Niềm tin của dân là cơ sở cho sự ổn định chính trị, ổn định quốc gia. Lý Thái Tổ đạt được quyền lực và đưa triều đại đến thịnh trị là do được lòng dân. Sư Vạn Hạnh nhìn thấy điểm này từ rất sớm, ông nói với Lý Công Uẩn như sau: “Họ Nguyễn (tức nhà Lý) lại không có ai khoan hòa, nhơn hậu và trung thứ như ông, nên rất được lòng dân. Nay tuổi của tôi đã hơn 70 rồi, chỉ sợ không kịp thấy sự thịnh trị mà lấy giận”¹⁵. Dân tin là nền tảng để đất nước ổn định và phát triển.

Yêu dân phải xuất phát từ đạo đức chứ không phải là một thủ đoạn chính trị. Sở dĩ phải yêu dân vì vua là cha mẹ dân. Quan niệm này xuyên suốt lịch sử phong kiến Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam, khi khởi nghiệp thì các vị vua thường quan trọng đến dân, cần dân và làm cho dân tin. Và chính vì có sự tin tưởng của dân nên sự nghiệp mới thành công. Sự thành công của Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đưa ông từ một người dân đến ngôi vị chí tôn - hoàng đế - là minh chứng cho sức mạnh của nhân dân khi tin tưởng vào người đứng đầu.

Đọc các cuốn lịch sử Việt Nam, có thể phát hiện một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá một vị vua là ông ta đã thực hiện được mục đích an dân hay không. An dân có nghĩa là dân được no ấm, hòa bình, ổn định, không lo lắng, được phát huy cá nhân mình và thực hiện các nghĩa vụ, nhiệm vụ với cộng đồng và xã hội. Quan niệm này xuất phát ngay từ buổi đầu của giai đoạn tự chủ của dân tộc. Khi đánh giá về Lý Công Uẩn thuở nhỏ, sư Vạn Hạnh đã đưa ra một nhận xét về tiêu chí này: “Lúc nhỏ, vua thông minh, tính khí khôi hoạt rộng rãi. Tới học ở chùa Lục Tổ thiền sư Vạn Hạnh thấy cho là khác lạ, nói: “Đây là người phi thường, sau này đến lúc cường tráng tất có thể cứu đời, yên dân, làm chúa thiên hạ””¹⁶.

Các nhà viết sử xưa lấy lợi ích của dân làm tiêu chí đánh giá sự nghiệp của vua, ví dụ như viết về Lý Thánh Tông: “Vua khéo kế thừa, thực lòng thương dân, trọng việc làm ruộng, thương kẻ bị hình, vỗ về thu phục người xa, đặt khoa bác sĩ, hậu lễ dưỡng liêm, sửa sang việc văn, phòng bị việc võ, trong nước yên tĩnh, đáng gọi là bậc vua tốt”¹⁷.

¹⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội các quan bản - Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)), Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.II, tờ 1a, tr.584.

¹⁵ *Đại Việt sử lược* (Khuyết danh), Nguyễn Gia Tường dịch, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.35.

¹⁶ *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội các quan bản - Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)), Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.II, tr.34.

¹⁷ *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội các quan bản - Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)), Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.II, tờ 1a, tr.105.

Quan niệm về dân, yên dân được thể hiện rất rõ trong tư tưởng của Nguyễn Trãi: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân phạt trước lo trừ bạo”¹⁸.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ*

Bàn về dân chủ, chủ tịch Hồ Chí Minh không xây dựng thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh mà theo Người, dân chủ đơn giản chỉ là dân là chủ và dân làm chủ. Người nói: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”¹⁹, “chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ, mà Chính phủ là người đày tớ trung thành của nhân dân”²⁰. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh: “Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ”²¹, “Bây giờ chúng ta là dân chủ. Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải làm quan cách mạng”²².

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin và nhiều nhà tư tưởng khác trên thế giới đã đưa ra các quan niệm, định nghĩa khác nhau về dân chủ. Song, có thể nói, cho đến nay, chưa có quan niệm nào, định nghĩa nào về dân chủ lại ngắn gọn, cô đọng, súc tích và mang tính khái quát cao như quan niệm, định nghĩa của Hồ Chí Minh về dân chủ. Không chỉ thế, với định nghĩa dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ, Hồ Chí Minh đã đưa ra một quan niệm hết độc đáo về dân chủ.

Tính độc đáo trong quan niệm của Hồ Chí Minh được thể hiện ở chỗ, với quan niệm dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ, Người không chỉ đặt Nhân dân lên vị trí chủ thể xã hội - “địa vị cao nhất là dân”, “nhân dân là người chủ”, nhưng vẫn nói rõ mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời vị trí chủ thể xã hội của Nhân dân với hành động làm chủ xã hội của Nhân dân - “dân làm chủ”. Không chỉ thế, trong nhiều chỉ thị, bài viết, bài phát biểu của mình, Hồ Chí Minh còn đặt vấn đề dân chủ trong mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời với các quyền tự do, công bằng và bình đẳng, quyền được sống, quyền làm người, quyền được mưu cầu hạnh phúc,... của Nhân dân với tư cách là những quyền thiêng, không thể bị xâm phạm. Với quan niệm này, theo Hồ Chí Minh, điều đó có nghĩa là dân phải thực sự là chủ thể của xã hội và hơn nữa, dân phải được làm chủ một cách toàn diện: chủ nhà nước, làm chủ xã hội và làm chủ chính bản thân mình, làm chủ và sở hữu mọi năng lực sáng tạo của mình để có thể thực hiện chủ nghĩa xã hội. Dân chủ như vậy, theo Người, phải bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội,

¹⁸ *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội các quan bản - Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)), Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.II, tờ 1a, tr.354.

¹⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.434.

²⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.382.

²¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.269.

²² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.572.

từ dân chủ trong kinh tế, dân chủ trong chính trị đến dân chủ trong xã hội và dân chủ trong đời sống văn hóa - tinh thần, tư tưởng. Nghĩa là dân chủ phải có nội dung toàn diện, bao hàm mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; trong đó, hai lĩnh vực quan trọng hàng đầu và nổi bật nhất là dân chủ trong kinh tế và dân chủ trong chính trị. Dân chủ trong hai lĩnh vực này quy định và quyết định dân chủ trong xã hội và dân chủ trong đời sống văn hóa - tinh thần, tư tưởng. Không chỉ thế, dân chủ trong kinh tế và dân chủ trong chính trị còn thể hiện trực tiếp quyền con người (nhân quyền) và quyền công dân (dân quyền) của người dân, khi dân thực sự là chủ thể xã hội và làm chủ xã hội một cách thực sự.

Với Hồ Chí Minh, dân chủ tức là dân làm chủ vận mệnh đất nước, quyền lực chính trị về Nhân dân, “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”²³. Nhân dân là người đóng vai trò quyết định đối với vận mệnh của đất nước. Do vậy, lý tưởng cách mạng mà Người suốt đời đấu tranh là xây dựng đất nước ta thành một nước dân chủ với đúng nghĩa là một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà ở đó, dân được giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, có điều kiện phát triển và tự hoàn thiện mình, nâng cao mình lên địa vị làm chủ, đưa xã hội với tự do, dân chủ.

Nhưng người dân sử dụng quyền lực chính trị của mình như thế nào? Theo Hồ Chí Minh, quyền lực thuộc về Nhân dân, Nhân dân có quyền tự chọn ra những người sáng suốt nhất để thi hành quyền được làm chủ của mình: “Nhân dân là ông chủ chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là dân chủ”²⁴.

Theo Hồ Chí Minh, việc làm đề cao dân chủ, quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu dân chủ của người dân là một trong những chủ trương có tác dụng thúc đẩy một cách hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội, vì dân chủ chính là lợi ích cao nhất mà mọi người dân đều quan tâm và đòi hỏi phải được thực hiện. Khi xác định rõ quyền dân chủ gắn liền với lợi ích của toàn dân, gắn liền với việc phát huy sức sáng tạo và tinh thần hăng say công việc của Nhân dân thì việc đề ra đường lối dân chủ không chỉ để đây, phải phát triển dân chủ để xây dựng và phát triển đất nước thực sự có hiệu quả, Hồ Chí Minh khẳng định: “Để thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng, Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của Nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội”²⁵.

²³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.232.

²⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.263.

²⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.374.

- *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ*

Trước đổi mới, dân chủ thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Dân chủ gắn liền với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của bộ máy, trong tổ chức, trong đạo đức, đời sống, trong quan hệ giữa người, giữa nhà nước và công dân,... Cốt lõi của dân chủ là khẳng định quyền lực của dân, là giải quyết mối quan hệ giữa quyền và lợi ích, quyền và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (năm 1976) đã khẳng định: “Để mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”²⁶. Đại hội cũng chỉ rõ: “Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là xây dựng một xã hội trong đó người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức mà nòng cốt là liên minh công nông, làm giai cấp công nhân lãnh đạo”²⁷. Để xây dựng quyền làm chủ tập thể về kinh tế, Đảng yêu cầu phải xóa chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và cải thiện chế độ sở hữu cá thể, xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể bằng những phương pháp và bước đi thích hợp”²⁸.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (năm 1982) còn nhấn mạnh: “Đường lối chung và đường lối kinh tế là một thể thống nhất hoàn chỉnh, trong đó có vài vấn đề cần đặc biệt chú ý là: nắm vững chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”²⁹.

Như vậy, trước đổi mới (giai đoạn 1976-1985), Đảng ta đã xây dựng được lý luận về làm chủ tập thể, chế độ làm chủ tập thể có thể nói là ở mức độ hoàn hảo, lý tưởng, nhưng chưa tính một cách đầy đủ đến điều kiện thực tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986) - đại hội mở đầu thời kỳ đổi mới đã vạch ra đường đèn đổi mới toàn diện đất nước, nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”; “bài học “cách mạng” là sự nghiệp của quần chúng” bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu, nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đó xuất hiện phong trào cách mạng”. Đại hội

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.988-989.

²⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.990.

²⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.992.

²⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.43, tr.59.

VI tiếp tục kế thừa khái niệm “làm chủ tập thể” của các Đại hội IV, V và khẳng định: “Đảng ta coi làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa cần có thể thực hiện trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Chúng ta đã xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội”³⁰.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua Cương lĩnh vực xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (viết tắt là Cương lĩnh năm 1991), trong đó đã rút ra bài học lớn: “Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”. Cương lĩnh năm 1991 đã phác họa 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng, trong đó đặc trưng đầu tiên là: Do nhân dân lao động làm chủ. Có thể khẳng định, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đã có bước tiến lớn trong nhận thức về dân chủ. Đến Đại hội VII, Đảng ta không sử dụng khái niệm “làm chủ tập thể”, “chế độ làm chủ tập thể” nữa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (năm 1996) khẳng định phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân và chỉ rõ cần phải thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: Làm chủ thông qua đại diện cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước. Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi phong cách mới, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị được quyết định và thực hiện các quyết định. Đại hội VIII đề mục tiêu của cách mạng là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Có nghĩa là, Đại hội VIII cũng chưa có nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của dân chủ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (năm 2001) đã tổng kết 15 năm đổi mới, rút ra bốn bài học chủ yếu, trong đó có bài học “đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn sáng tạo”. Đặc biệt, Đại hội IX đã bổ sung nội dung “dân chủ” vào mục tiêu chung của cách mạng nước ta: “Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”³¹. Một trong những điểm mới của Đại hội IX đã được bổ sung nội dung “dân chủ” vào mục tiêu chung của cách mạng nước ta. Đây là một bước trong quá trình nhận thức về “dân chủ” của Đảng ta.

³⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.47, tr.443.

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 22.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) đã tổng kết 20 năm đổi mới đất nước và có sự phát triển quan trọng trong nhận thức về dân chủ: (1) Đại hội bổ sung, phát triển mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân xây dựng. Trong đó, bổ sung đặc trưng thứ nhất: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát triển đặc trưng thứ hai là nhân dân làm chủ. So với Cương lĩnh năm 1991, Đại hội X đã thay thế đặc trưng “do nhân dân lao động làm chủ” bằng đặc trưng “do nhân dân làm chủ”. Đó là bước tiến về mặt nhận thức, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là tất cả nhân dân làm chủ. (2) Đại hội X đã xác định rõ: “Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực về nhân dân. (3) Đại hội đã khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của Nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng, mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có lợi gia ý kiến của nhân dân”³².

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh năm 2011 đã xác định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ,...”³³. Điểm mới của Đại hội XI so với Đại hội X là chuyển cụm từ “dân chủ” lên trước cụm từ “công bằng”. Đây không đơn thuần là chuyển vị trí, mà thực chất là được nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn, chính xác hơn vị trí, vai trò của dân chủ. Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật pháp định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ

³² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.125.

³³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện”³⁴.

Kế thừa và phát triển quan điểm mới của đại hội thời đại trong quan điểm về dân chủ, Đảng ta tiếp tục khẳng định xây dựng nền tảng dân chủ mới, dân chủ xã hội nghĩa là phải hướng tới mục tiêu hàng đầu là nền dân chủ đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân, gắn liền và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, được pháp luật bảo đảm và dưới lãnh đạo của Đảng. Nền tảng dân chủ xã hội chủ nghĩa phải xác định Nhân dân là chủ thể của quyền lực và thực tế phải thực hiện một cách đưa đủ nhất quyền tự do, bình đẳng của Nhân dân. Thực tế những năm gần đây cho thấy, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong mọi hoạt động xã hội, nâng cao sự tham gia của người dân trong hoạt động chính trị - xã hội có liên quan trực tiếp tới đời sống cũng như vận mệnh chính trị của đất nước. Song song với việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật khuyến khích phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, Đảng và Nhà nước luôn nêu cao tự do cá nhân, chăm lo và thực hiện ngày càng tốt hơn quyền con người, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong mọi hoạt động xã hội. Những điều này được ghi nhận không chỉ trong hoạt động thực tiễn mà còn trong tôn chỉ hoạt động của Đảng và Nhà nước, đặc biệt trong Hiến pháp năm 2013 và trong hệ thống pháp luật mới được ban hành và sửa đổi, vấn đề quyền và nghĩa vụ của người dân được khẳng định một cách rõ ràng.

Và để phát huy dân chủ xã hội nghĩa trong toàn xã hội, trước hết phải phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng. Tăng cường và mở rộng dân chủ trong Đảng phải được coi là hạt nhân, là tấm gương cho việc thực hiện dân chủ ngoài xã hội như Đảng khẳng định: “Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội”.

Từ những điều trình bày ở trên cho thấy, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ ngày càng phát triển trải qua các kỳ đại hội của Đảng từ thời kỳ bắt đầu tiến hành đổi mới (1986) đến nay. So với quan điểm của Đảng thời kỳ trước khi đổi mới, có thể khẳng định rằng, Đảng ta đã có nhận thức về dân chủ ngày càng đúng hơn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

- Tính đặc thù của dân chủ ở Việt Nam

³⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.84-85.

Mặc dù về hình thức, tất cả các nước trên thế giới hiện nay đều là nước dân chủ nhưng trên thực tế, không phải nước nào cũng thực hiện đúng về dân chủ. Khi xem xét một nước có dân chủ thực sự hay chỉ có dân chủ hình thức, cần chú ý đến tính đặc thù của dân chủ nước đó. Nhà nước dân chủ là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về nhân dân; nhà nước thừa nhận và bảo vệ quyền tự do dân chủ của mọi công dân. Đó là tính phổ biến của dân chủ.

Bên cạnh tính phổ biến đó, dân chủ còn có tính đặc thù. Tùy theo điều kiện cụ thể về kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa riêng, mỗi nước đều xác định tiêu chuẩn dân chủ phù hợp với mình. Tính chất nền dân chủ của một nước có thể hiện diện trong hệ thống luật pháp của nước đó. Chẳng hạn, ở các nước có chế độ dân chủ, công dân có quyền bầu cử ra cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước; quyền đó có thể thực hiện tính phổ biến của dân chủ. Nhưng tùy điều kiện riêng mà luật pháp của mỗi nước quy định công dân có thể bầu cử trực tiếp hoặc gián tiếp ra người đứng đầu nhà nước. Quy định cụ thể đó thể hiện tính đặc thù của dân chủ. Nếu một nước nào đó quy định công dân không có quyền bầu cử trực tiếp ra người đứng đầu nhà nước thì cũng không phải là vi phạm quyền dân chủ của công dân. Hoặc như quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền dân chủ phổ biến; nhưng điều đó không có nghĩa là công dân được tự do vu khống người khác, tự làm tiết lộ bí mật quốc gia. Quyền tự do được thể hiện ở các nội dung cụ thể. Những nội dung cụ thể này không thể giống nhau ở mọi nước và ở mọi giai đoạn. Hoặc tùy theo quy định của pháp luật của từng nước trong từng giai đoạn mà một nước chỉ có một đảng hoặc có thể có nhiều đảng. Tóm lại, dân chủ vừa có tính phổ biến vừa có tính đặc thù; tiêu chuẩn của dân chủ phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nước trong từng giai đoạn. Cách thức thực hành dân chủ không thể lấy của một nước này để áp dụng hoặc đánh giá mức độ dân chủ của nước khác. Mỗi nước đều có tiêu chuẩn dân chủ của mình; do đó, không thể áp dụng tiêu chuẩn dân chủ của nước này cho nước khác. Mỗi nước đều có tiêu chuẩn dân chủ riêng nên không thể nói rằng dân chủ ở nước này cao hơn dân chủ ở nước kia.

Nước Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến trung ương tập quyền, cha truyền con nối và gần một thế kỷ dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Trong thời kỳ đó, người Việt Nam không được hưởng quyền dân chủ. Từ ngày 2-9-1945, Việt Nam trở thành nước dân chủ với tên gọi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (từ năm 1976 được đổi tên thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Từ đó, người Việt Nam mới được hưởng quyền tự do, dân chủ. Điều này được ghi trong Hiến pháp của Nhà nước. “Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” được quốc hội khóa I thông qua ngày 11-9-1946 khẳng định: “Đảm

bảo các quyền tự do dân chủ”; “Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và nước ngoài” (Điều 10). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa X thông qua ngày 25-12-2001, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, khẳng định: “Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự làm, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân” (Điều 3); “Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội” (Điều 53); “Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc gia hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật” (Điều 54); “Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật” (Điều 68); “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập quốc, biểu tình theo quy định của pháp luật” (Điều 69); “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 70). Theo những quy định ghi trong Hiến pháp như trên thì Việt Nam rõ ràng là nước dân chủ; Nhà nước thừa nhận và đảm bảo những quyền tự làm dân chủ cơ sở của công dân. Điều này giống với nhiều dân chủ nước khác và là biểu hiện của tính phổ biến của dân chủ trong hệ tiêu chuẩn dân chủ ở Việt Nam.

Bên cạnh thừa nhận những quyền tự do, dân chủ cơ bản của công dân cũng như các nước khác, pháp luật của Nhà nước Việt Nam còn có những quy định cụ thể khác. Điều đó làm cho chế độ dân chủ ở Việt Nam có tính đặc thù với nhiều nước khác. Tính đặc thù của chế độ dân chủ ở Việt Nam có thể hiện diện ở chỗ:

Thứ nhất, ở Việt Nam hiện nay không có sự đối trọng giữa các đảng. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Trước năm 1989, cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam còn có Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam. Nhưng từ khi hai đảng này tự giải thể năm 1989 thì chỉ còn Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động hợp pháp. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Trong bộ máy của Nhà nước ở giai đoạn đầu có nhiều người bên ngoài Đảng tham gia và chứa những viên kim cương lãnh đạo cao. Còn hiện nay ở các cấp, đặc biệt ở cấp cao, hầu hết người nắm giữ vị trí lãnh đạo là đảng viên. Ở nước nào thì nhà nước cũng đều do một đảng hoặc vài đảng lãnh đạo. Thông thường ở các

nước khác, người đứng đầu đảng cầm quyền đồng thời là người đứng đầu nhà nước. Còn ở Việt Nam, người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam (Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương) đa phần không đồng thời là người đứng đầu Nhà nước. Ở các cấp địa phương và các cơ quan, hầu hết người đứng đầu cấp ủy cũng không phải là người đứng đầu cơ quan nhà nước (chủ tịch ủy ban nhân dân, thủ trưởng cơ quan). Người đứng đầu Đảng được đại hội bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, không giữ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Tuy nhiên, ở một số phương diện thì phương thức lãnh đạo (cầm quyền) của Đảng vẫn chưa được xác định hoàn toàn rõ ràng. Vì thế, ở một số nơi, Đảng làm thay cả chức năng của Nhà nước. Tình trạng này đang được Đảng nghiên cứu quan tâm để giải quyết.

Thứ hai, ở Việt Nam hiện nay không có tam quyền phân lập, nhưng có sự thống nhất, phân công giữa ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhà nước Việt Nam có ba cơ quan khác nhau là lập pháp, hành pháp và tư pháp; song ba cơ quan này không độc lập với nhau. Bởi vì, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp đều làm Quốc hội bầu ra và đều chịu sự lãnh đạo của Đảng. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Tuy không có tam quyền phân lập nhưng Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền vì luật pháp là tối cao, không có tổ chức và cá nhân nào được đứng trên pháp luật.

Thứ ba, dân chủ ở Việt Nam hiện nay có sự thống nhất giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam đều có chức năng chung là Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân, động viên Nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình, điều chỉnh hiến pháp và luật pháp, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử và các quan bộ nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam do Đảng lãnh đạo có thể hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động. Cán bộ của một số tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam cũng được hưởng quyền lợi như cán bộ, công chức của Nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam tuy không phải là một bộ phận của Nhà nước nhưng với chức năng như trên có thể được coi là cánh tay nối dài của Nhà nước, hỗ trợ tích cực cho Nhà nước.

Thứ tư, ở Việt Nam hiện nay không có quy định nhân dân trực tiếp bầu ra Chủ tịch nước với tư cách đứng đầu Nhà nước. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra, còn Nhân dân thì bầu ra Quốc hội. Như vậy, nhân dân thể hiện quyền làm chủ của mình một cách gián tiếp thông qua các đại biểu do mình bầu ra.

Thứ năm, dân chủ mà Việt Nam chủ trương xây dựng là dân chủ xã hội chủ nghĩa. Về điều này, Văn kiện Đại hội XI của Đảng viết: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa

là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”. Đại hội XI của Đảng cũng chỉ rõ nội dung cơ bản của khái niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa là “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; pháp luật của Nhà nước lợi ích của nhân dân”. “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định phát triển dân chủ nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước.

2. Một số vấn đề lý luận về thực hành dân chủ

a. Khái niệm thực hành dân chủ

Về cơ bản có thể hiểu, thực hành dân chủ là việc triển khai trên thực tế (làm) những điều đã nói (lý luận) về dân chủ. Quan hệ giữa lý luận dân chủ với thực hành dân chủ chính là quan hệ giữa nói và làm, giữa lý luận và thực tiễn về vấn đề dân chủ. Nói cách khác, thực hành dân chủ chính là cơ chế, chính sách, những quy định, nguyên tắc... để đảm bảo cho mọi người thực hiện quyền dân chủ của mình, là hiện thực hóa phương châm mà Đảng đã xác định: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Nội dung cốt lõi của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân hay sự kiểm soát của nhân dân đối với toàn bộ quá trình ban hành và thực thi các quyết định chung của chính thể nhà nước ấy. Tiền đề của nó không phải là cái gì khác ngoài việc coi công dân là cơ sở, nguồn gốc của mọi quyết định cũng như các thiết bị quản lý. Điều này là vô cùng quan trọng và có ý nghĩa được quyết định để tạo ra cơ chế nhằm bảo đảm lợi ích của các công dân. Nguyên tắc nền tảng của dân chủ chính là mọi công dân đều có quyền quyết định trong toàn bộ quy trình quản lý, điều hành xã hội, có quyền quyết định đối với tất cả các vấn đề chung của xã hội, một cách gián tiếp hoặc trực tiếp thông qua sự ủy quyền cho những người đại diện của mình trong các cơ quan quyền lực của nhà nước hay tham gia vào chính những cơ quan ấy; đồng thời, công dân có quyền được hưởng lợi ích từ những quyết định ấy, cũng như việc hưởng thụ những quyền ấy phải là cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi công dân. Muốn thực hiện được điều đó, cần có cơ chế kiểm soát hiệu quả đối với quá trình chuyển giao quyền lực từ nhân dân cho nhà nước và từ quyền lực của nhà nước thành quyền và lợi ích của nhân dân. Chính vì vậy, thực hành dân chủ được thực hiện thông qua hai phương thức là ủy quyền và thực hành trực tiếp.

Ở phương thức ủy quyền, nhân dân không ủy quyền toàn bộ quyền lực của mình cho nhà nước mà chỉ là ủy quyền cái gì mà tự nhân dân không làm được mà thôi. Chủ thể quyền lực ấy (tức nhân dân) còn rất nhiều phạm vi mà nhà nước không thể bao trùm hết được nhưng bản thân họ lại có thể tự thực hành được. Chính bởi vậy, phương thức thực hành trực tiếp sẽ góp phần giúp nhân dân thực thi được đầy đủ quyền lực của mình thông qua nhiều phương thức khác nhau, trong đó đáng chú ý là hình thức tự quản, tự chủ, tự quyết định và giám sát. Khi nhân dân có thể tự mình phát triển công việc trong khuôn khổ pháp luật cho phép thì nhà nước không cần thiết và cũng không nên làm những công việc đó. Vấn đề của nhà nước là ý thức về phạm vi quyền được phép của mình trong khuôn khổ quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo cho nhân dân quyền được thực thi những công việc pháp luật không cấm. Đó chính là bản chất và nguyên tắc vận hành của nền dân chủ. Nếu nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên nguyên tắc ấy, thì nhà nước luôn bảo đảm là đại biểu xứng đáng cho nhân dân, nhân dân sẽ luôn đứng về phía nước và nền dân chủ sẽ được xác lập.

Sự ủy thác quyền lực của nhân dân cho nhà nước không bất biến, một lần là xong. Trái lại, đó là quá trình không ngừng điều chỉnh và mang bản chất khả biến. Điều này đã được những tư tưởng gia lỗi lạc từ thời cổ đại cho đến Phục hưng, Khai sáng đặc biệt nhấn mạnh. J. J. Rousseau xem sự ủy thác đó chính là một khế ước giữa nhân dân và nhà nước; theo đó, trong chừng mực những điều khoản cam kết ấy bị chà đạp, xâm phạm và bị chối bỏ, cần phải xóa bỏ khế ước ấy và thay bằng một khế ước mới bằng cách nhân dân sẽ tự tìm cho mình những người đại diện mới để ủy thác quyền lực của mình. Vì vậy, việc xóa bỏ khế ước và thiết lập các chính phủ sao cho luôn đại diện cho lợi ích của nhân dân là một khát vọng và nguyên tắc của thiết chế chính trị và nền dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1947, đã nhấn mạnh rằng “chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”³⁵ và một trong những cơ chế hữu hiệu và quan trọng nhất để “đuổi” là thông qua trưng cầu dân ý.

Dân chủ chính trị xuất phát từ dân chủ kinh tế. Các quyền tự do về chính trị chỉ mang những giá trị thực chất khi chúng được nảy sinh từ kết quả tất yếu của quá trình tự do kinh tế. Quyền bầu cử, ứng cử của công dân sẽ chỉ là ảo tưởng, là quyền danh nghĩa hay quyền hư vô nếu như không có những thiết chế dân chủ bảo đảm cho quá trình bầu cử diễn ra công khai, công bằng và trung thực. Nói cách khác, các quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp; công dân có thể thực hiện đầy đủ và thực chất khi có một cơ chế dân chủ đủ mạnh, được đảm bảo một cách

³⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.75.

tương đối đầy đủ dựa trên quyền xã hội và văn hóa. Như vậy, chỉ có khả năng duy nhất để thực hiện các quyền này là một cách độc lập tương đối, phải dựa trên một nền tảng dân chủ đích thực.

Ngày nay, không có tuyên bố chính trị nào nhằm trao quyền rộng rãi cho người dân được tôn trọng và thực thi nếu như nó không được quy định thành các nguyên tắc pháp luật và định chế. Việc điện hóa các quyền và tự do của công dân thành các nguyên tắc hiến định và luật định cùng xác lập một cơ chế hữu hiệu để thực thi được xem là tiền đề quan trọng bậc nhất của nền dân chủ hiện đại. Tuy nhiên, bản chất quyền lực của nhà nước do nhân dân trao đổi cho các cơ quan và cá nhân đại diện công quyền luôn có xu thế bị lạm dụng và tha hóa, trở lại thống trị và nô dịch nhân dân. Trong khi đó, các lực lượng thị trường vừa là nhân tố nuôi dưỡng tiền đề vật chất ra đời của dân chủ, đồng thời chính nó cũng góp phần làm gia tăng quá trình tha hóa quyền lực nhà nước do sự chi phối hợp của những lợi ích kinh tế sẽ lung đoạn chính sách dẫn đến nguy cơ nhà nước sinh ra đường như là để bảo vệ lợi ích riêng cho họ chứ không phải của đa số, của mọi tầng lớp nhân dân. Vì thế, các tổ chức xã hội nghề nghiệp cùng với lực lượng thị trường đóng vai trò là nhân tố tiền đề tiếp theo làm trụ vững chắc cho nền dân chủ.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ

Quan niệm của Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ là quan niệm mang tính hiện thực rất cao. Bởi lẽ, nói đến dân chủ thì không thể thiếu việc thực hành dân chủ. Người luôn mong muốn nước ta phải đi đến “dân chủ thực sự”.

Về thực hành dân chủ trong kinh tế, theo Hồ Chí Minh, vấn đề quan trọng nhất là thực hiện lợi ích của dân, chăm lo cho lợi ích của dân, trước hết là lợi ích vật chất. Người viết: “Nhà nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân chỉ lo làm lợi cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, ngày càng tiến bộ về vật chất và tinh thần, làm cho trong xã hội không có người bóc lột người”³⁶. Rằng, nhà nước ta là “nhà nước của đại đa số nhân dân” và do đó, phải dùng “dân chủ chuyên chính của nhân dân” để “giữ gìn lợi ích của nhân dân”. Để làm được điều này, người dân phải là chủ sở hữu và thực sự làm chủ sở hữu đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của họ. Thực hành “chính sách dân chủ”³⁷ là để “dân cày có ruộng”³⁸, “công nhân phải hiểu xí nghiệp là của mình, làm chủ nhà nước là nói chung, làm chủ xí nghiệp là nói riêng, xí nghiệp có phát triển, tương lai của công nhân mới tiến lên”³⁹. Dân là chủ và làm chủ sở hữu thì họ phải có quyền được lao động,

³⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.453.

³⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.261.

³⁸ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.255.

³⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.478.

được tự do phát triển sản xuất, thực hiện lợi ích và mưu cầu hạnh phúc. Thực hành dân chủ trong kinh tế đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có kế hoạch, chính sách tạo việc làm cho dân, khuyến khích dân chủ động lo việc làm, tự mình vươn lên thoát đói nghèo và làm giàu chính đáng bằng sức lao động của mình trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước. Theo Hồ Chí Minh, thực hành dân chủ trong kinh tế phải gắn liền với thực hành dân chủ trong chính trị, trao cho dân chúng quyền được tham gia quản lý, kiểm tra và giám sát sản xuất, phân chia thành quả lao động để không xảy ra tình trạng cán bộ tham ô, lãng phí công, gây tổn hại đến lợi ích của người dân, xã hội.

Về thực hành dân chủ trong chính trị, Hồ Chí Minh cho rằng, trong một nước dân chủ, “địa vị cao nhất là dân” và do đó, thực hành dân chủ trong chính trị thì trước hết và trên hết là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, là “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”⁴⁰. Cõi việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân không chỉ là bản chất của dân chủ mà còn là bản chất của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, để thực hiện dân chủ trong chính trị, họ cần phải thể chế hóa quyền làm chủ chính trị, quyền làm chủ của nhân dân qua Hiến pháp và pháp luật, qua thể chế bầu cử để dân chủ được tự do lựa chọn người xứng đáng đại diện cho mình trong các cơ quan quyền lực nhà nước và để mỗi công dân đều có quyền bầu cử, ứng cử, tham gia vào công việc quản lý nhà nước.

Thực hành dân chủ trong chính trị, Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ, đảng viên giữ vai trò lãnh đạo, phải hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, “làm việc để cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”⁴¹. Để việc thực hành dân chủ chính trị đi vào thực chất, chứ không phải hình thức, theo Hồ Chí Minh, Nhà nước phải thực sự là một nhà nước dân chủ, nhà nước quản lý theo pháp luật và lấy việc bảo vệ dân, phục vụ dân làm mục tiêu hàng đầu. Vì dân, Đảng cầm quyền lãnh đạo phải là một đảng cách mạng chân chính, trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, làm tất cả vì hạnh phúc của Nhân dân, nhất là phải liên hệ mật thiết với Nhân dân, quan hệ máu thịt với Nhân dân, thực hiện Đảng - Dân một ý chí.

Về thực hành dân chủ trong xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, thực hành dân chủ trong xã hội phải hướng đến mục tiêu làm cho dân “ai cũng được hưởng quyền dân chủ tự làm”, công bằng và bình đẳng trước pháp luật và trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; vì các quyền đó thực hiện nghĩa vụ công dân của mình, địa

⁴⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.293.

⁴¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.572.

vị làm chủ xã hội của mình. Giá trị thực tế của dân chủ, tính thực tế của thực hành dân chủ trong xã hội, theo Hồ Chí Minh, là ở chỗ, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Rằng, dân chỉ biết đến độc lập, tự làm, dân chủ khi dân được ăn no, mặc ấm. Do vậy, để thực hành dân chủ trong xã hội đi vào thực chất, Người khẳng định: “Nhà nước nghĩ những công nhận những quyền lợi của công dân mà còn bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để cho dân công thật sự được hưởng các quyền lợi đó”⁴². Với quan điểm này, với mong muốn dân chủ trong xã hội phải được thực hiện trên thực tế, Người yêu cầu Đảng và Chính phủ phải thường xuyên quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội một cách thiết thực, cụ thể, thực thi các chính sách xã hội vì dân và an sinh xã hội cho dân chúng nhằm bảo đảm cho dân được an sinh và an ninh, tự do mưu cầu hạnh phúc. Để thực hành dân chủ trong xã hội, theo Hồ Chí Minh, chúng ta cần phải ra sức “phát huy dân chủ đến cao độ”, đồng thời “mở rộng dân chủ để nhân dân thật sự tham gia quản lý Nhà nước”, bởi “đặc tính Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân” và do đó, có phát huy dân chủ đến cao độ, mới động viên được tất cả năng lực của nhân dân; có thực hiện dân chủ rộng rãi, mới khiến mọi người dân “đưa hết khả năng làm tròn nhiệm vụ người chủ nước nhà để xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta mạnh, dân ta giàu”.

Về thực hành dân chủ trong Đảng, là người sáng lập và trực tiếp lãnh đạo, rèn luyện, xây dựng Đảng ta thành Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm sâu sắc nhất trong suốt cuộc đời cho việc thực hành dân chủ trong Đảng. Bởi, với Người, xây dựng Đảng cầm quyền thực sự trong sạch, vững chắc, Đảng cần phải đặc biệt chú ý thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, “phải thực sự mở rộng dân chủ để tất cả các thành viên thể hiện hết mình ý kiến của mình; phải góp ý kiến của đảng viên để giúp Trung ương chuẩn bị Đại hội Đảng cho thật tốt”⁴³. Với quan điểm này, Người còn đặc biệt nhấn mạnh việc thực hiện và phát huy dân chủ nội bộ trong mọi sinh hoạt và hoạt động của Đảng, bởi theo Người, không có dân chủ nội bộ sẽ làm cho “nội bộ của Đảng âm u”, sinh hoạt đảng không còn trong sáng nữa và làm như vậy, tập trung không tạo nên sức mạnh của Đảng do đã bị suy yếu từ bên trong và một khi đã như vậy thì sớm muộn, Đảng cũng mất quyền lãnh đạo, mất vị trí cầm quyền.

Thực hành dân chủ trong Đảng, theo Hồ Chí Minh, vấn đề mấu chốt nhất là thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung. Với Người, dân chủ tập trung không chỉ là nguyên tắc lãnh đạo mà còn là chế độ lãnh đạo của đảng cầm quyền. “Tập

⁴² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.377.

⁴³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.544.

thể lãnh đạo là dân chủ”, “cá nhân phụ trách là tập trung” và “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung”⁴⁴.

Nhấn mạnh việc thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung đối với thực hành dân chủ trong Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lãnh đạo không tập thể thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc. Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau”; cầm quyền lãnh đạo mà “không theo đúng cách đó, tức là làm trái dân chủ tập trung”. Theo Hồ Chí Minh, thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung trong thực thi dân chủ trong Đảng cần phải được coi là một nguyên tắc tuyệt đối cần thiết để mọi cán bộ, các thành viên đều tự giác thực hiện tự phê bình và phê bình, qua đó, tạo ra sự thống nhất trong Đảng về tư tưởng, tổ chức, hành động và xây dựng Đảng thành một khối đoàn kết vững chắc, thống nhất và đoàn kết là cái làm nên sức mạnh vô địch của một đảng quyền lãnh đạo cách mạng.

Từ tất cả những thảo luận giải trên, có thể nói, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ không chỉ là “của quý nhất của nhân dân”, mà còn là một giá trị mang tính nhân văn và pháp lý. Thực hành dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội là để dân thực sự là chủ và làm chủ xã hội, để dân chủ được phát huy đến cao độ, quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện trên thực tế và đi vào thực chất, qua đó xây dựng chế độ ta thực sự là một dân chủ và tạo ra “cái chìa khoá vạn năng” để Đảng ta nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thành công.

c. Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thực hành dân chủ

Thứ nhất, trước thời kỳ đổi mới

Hồ Chí Minh luôn coi trọng thực hành dân chủ. Người yêu cầu “phải thực sự mở rộng dân chủ để toàn thể cử tri trình bày ý kiến của mình”⁴⁵; xem “thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”⁴⁶. Người đã nêu tám gương mẫu mực về thực hành dân chủ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và V của Đảng mạnh, phải xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nhưng lại không chỉ rõ những điều kiện thực tế. Do đó, chỉ đạt được những thành tựu về thực hành dân chủ ở mức độ nhất định. Nói cách khác, kết quả thực hành dân chủ vẫn rất hạn chế. Cụ thể như sau:

⁴⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.620.

⁴⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.544.

⁴⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.325.

Dân chủ, nhất là dân chủ trên lĩnh vực kinh tế, trong sản xuất kinh doanh đã không được coi trọng thực hiện. Dân chủ trên lĩnh vực chính trị (nhất là trong bầu cử quốc hội, Hội đồng nhân dân) còn nhiều biểu hiện hình thức. Dân chủ trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng còn nhiều hạn chế. Nhân dân ủy quyền cho Nhà nước, nhưng Nhân dân lại không có điều kiện để giám sát, kiểm tra quyền lực. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ chưa được cụ thể hóa. Đảng lãnh đạo nhưng lại bao biện, làm thay công việc của Nhà nước. Dân chủ không thực chất dẫn đến việc làm chủ tập thể không thực hiện được, bị biến thành vô chủ, quan liêu hóa, hành chính hóa nặng nề. Từ đó đã kìm hãm sự phát triển. Đất nước thành khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Đời sống nhân dân sa sút cả về vật chất lẫn tinh thần.

Thứ hai, từ năm 1986 đến nay

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã nhấn mạnh đến thực hành dân chủ, khẳng định: “Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định. Tiếp sau việc ban hành Bộ luật hình sự và dự thảo Luật hôn nhân và gia đình, Nhà nước ta còn phải ban hành các luật khác”⁴⁷; “dưới lãnh đạo Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải đảm bảo quyền dân chủ thực sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân”⁴⁸; “xây dựng và thực thi cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp”⁴⁹.

Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã chỉ rõ: “Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân”⁵⁰; “sửa đổi Hiến pháp; tăng cường chế độ xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, văn hóa, xã hội, về hình sự, dân sự, hành chính, về quyền và nghĩa vụ công dân”⁵¹; “Nhà nước đặt ra các đạo luật nhằm khẳng định quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm”⁵².

⁴⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.47, tr.446-447.

⁴⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.47, tr.450-451.

⁴⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.47, tr.452.

⁵⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.51, tr.116.

⁵¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.51, tr.116-117.

⁵² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.51, tr.145.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh phải “xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các tài chính, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại các cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước. Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra các quyết định và thực hiện các quyết định”⁵³.

Đảng Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng chỉ rõ: “Nâng chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện các quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thực sự phát huy dân chủ. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật trưng cầu dân ý. Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”⁵⁴.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta khẳng định: “Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước đối với nhân dân. Bộ máy nhà nước, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị có nhiệm vụ đề xuất ý kiến của Đảng trong quá trình xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng”⁵⁵.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng yêu cầu: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nâng

⁵³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.508.

⁵⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.676.

⁵⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.125.

cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân. Có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp. Thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết”⁵⁶.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng xác định rõ hơn nữa vấn đề thực hành và phát huy dân chủ trong đời sống xã hội thông qua việc nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm phải tạo được bước chuyển căn bản từ nhận thức dân chủ đến thực tiễn thực hành và phát huy dân chủ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên để họ thực sự là tấm gương tiêu biểu định hướng Nhân dân noi theo. Đảng nhấn mạnh trong công tác điều hành xã hội, cán bộ, đảng viên cần có nhận thức rõ ràng rằng trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhân dân phải là chủ thể và là người có quyền lực tuyệt đối; nhân dân lao động có quyền và được đảm bảo các điều kiện cần thiết để tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Đảng chỉ rõ: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân”⁵⁷. Đảng cho rằng, thực thi dân chủ rộng rãi phải được thực hiện thông qua phương thức và cơ chế minh bạch, phải để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua việc tham gia hoạt động của Nhà nước và của hệ thống chính trị bằng các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, mà trọng tâm là cần thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nghĩa là “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời

⁵⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.239.

⁵⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.38.

sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng các văn bản luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân”⁵⁸. Song song với đó, Đảng nhấn mạnh trong công tác thực hành dân chủ cần phải “Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân”⁵⁹.

Chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” còn bao hàm trong đó hoạt động giám sát đối với các công việc của Nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị. Đó là việc làm quan trọng và cần thiết để đảm bảo công việc thực hành dân chủ trong xã hội mang lại những kết quả như mong muốn. Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, Đại hội XII nhấn mạnh: “Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận quốc gia và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc gia và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ chính trị, Ban bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác”⁶⁰.

Thực hành dân chủ, như trên đã nói, trước tiên phải đảm bảo phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng, coi đó là công tác đặc biệt quan trọng, có vai trò hạt nhân, là nền tảng để phát huy dân chủ trong xã hội như Đảng đã xác định. Trong tiến trình điều hành xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, có mối quan hệ máu thịt với Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Trong giai đoạn hiện nay, trước những cơn khủng hoảng về niềm tin đối với Đảng và Nhà nước trong nội bộ nhân dân, việc phát huy dân chủ trong Đảng để phát huy đầy đủ dân chủ trong

⁵⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.169.

⁵⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.169.

⁶⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.170.

xã hội lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp củng cố niềm tin, tăng cường nhận thức đúng, đầy đủ về thực hành, phát huy dân chủ, nâng cao vai trò và vị trí làm chủ của người dân trong hoạt động xã hội. Trong bối cảnh ấy, Đảng cần tiếp tục thực hiện tốt các quy định tốt trong sinh hoạt đảng, phải biết dựa vào Dân, giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân để từ đó Đảng tự điều chỉnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, các khu vực trong sạch, vững mạnh. Như vậy, quan điểm của Đảng về vấn đề thực hành dân chủ ngày càng được xác định rõ ràng và đi vào thực tế cuộc sống thông qua việc thể chế hóa các chủ trương, chính sách cũng như những nguyên tắc hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo xã hội và đặc biệt được thực hiện rộng rãi trong lối sống, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Điều này giúp cho không chỉ đời sống xã hội trở nên minh bạch hơn, dân chủ và kỷ cương hơn mà còn làm cho Nhân dân tin tưởng hơn về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong tình hình mới, chung tay góp sức với Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện mục tiêu cao xây dựng đất nước hiện đại, giàu mạnh, văn minh.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM

1. Trong điều kiện một đảng cầm quyền vẫn phát huy được dân chủ và thực hành tốt dân chủ

Ở phương Tây và một số người chống lại quan điểm mácxít thường luận điểm cho rằng, do kinh tế có nhiều thành phần thì chính trị phải có đa đảng. Thật ra, theo chủ nghĩa Mác - Lênin, toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế - xã hội, tức là cơ sở hiện thực, trên đó cần xây dựng một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị. Cần hiểu nguyên lý đó như Ph.Ăngghen đã giải thích: Nhân tố quyết định trong lịch sử, xét đến cùng, là sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực... Nếu có ai xuyên tạc câu đó khiến cho nó có nghĩa là nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất thì như vậy họ đã biến câu đó thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa.

Vận dụng nguyên lý nói trên vào việc xem xét mối quan hệ giữa kinh tế nhiều thành phần với kết cấu kiến trúc thượng tầng chính trị, có thể khẳng định rằng nền kinh tế nhiều thành phần không tất yếu dẫn đến kiến trúc thượng tầng chính trị đa đảng, có đảng đối lập. Bởi vì, trong thực tế lịch sử đã có những thời kỳ nền kinh tế nhiều thành phần không làm nảy sinh chế độ chính trị đa đảng. Như vậy, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị không phải là quan hệ máy móc, không phải cứ có bao nhiêu thành phần kinh tế thì có bao nhiêu đảng.

Trong nền kinh tế có nhiều thành phần và cơ cấu trúc xã hội nhiều giai cấp, nhiều tầng xã hội có thể nảy sinh hai khả năng: 1) Mỗi giai cấp, mỗi tầng đều có đảng của mình để tranh bảo vệ lợi ích giai cấp. Trong trường hợp đó xuất hiện kiến trúc thượng tầng chính trị đa đảng, có đảng đối lập. 2) Chỉ có một đảng duy nhất đại biểu cho lợi ích không chỉ của một giai cấp, mà của cả nhân dân. Trong trường hợp này xuất hiện kiến trúc thượng tầng chính trị một đảng, không có đảng đối lập. Vấn đề đa đảng hay một đảng tùy thuộc về hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước trong từng giai đoạn, vào vai trò của từng thành phần kinh tế trong đời sống xã hội, vào tương quan lực lượng giai cấp, vào quy định của Hiến pháp và pháp luật của mỗi nước, vào uy tín và sức mạnh của đảng cầm quyền, vào quan niệm về dân chủ và ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài,... Tính nhất nguyên chính trị được thể hiện trong việc khẳng định vai trò lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Bản chất của một nền dân chủ lệ thuộc vào chỗ đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích của ai, sử dụng quyền lực nhà nước vào những mục đích gì thực tế.

Ở nước ta đã từng tồn tại ở chế độ đa đảng: Cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam, còn có Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội. Ba đảng đã cùng hợp tác chiến đấu trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Sau đó (năm 1988), Đảng Dân chủ và Đảng xã hội đã tự giải quyết sau khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử. Từ đó đến nay, ở nước ta chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và cả dân tộc. Trong tình hình phức tạp hiện nay, nhiều thế lực đòi đa nguyên, đa đảng để dễ lợi dụng gây rối về mặt chính trị nhằm lật đổ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiện tại, chế độ lãnh đạo lãnh đạo với nhiều đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội là phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, tình hình đất nước, đảm bảo ổn định chính trị làm cơ sở cho sự phát triển bền vững.

Vậy trong điều kiện một đảng cầm quyền có ảnh hưởng tới dân chủ không? Câu trả lời là không. Bởi vì, việc không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, tạo thuận lợi ích cho việc phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội; mọi vấn đề từ cương lĩnh, đường lối, chiến lược, sách lược đến chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng đều có thể thảo luận, tranh luận rộng rãi trong Đảng và lấy ý kiến nhân dân. Nhưng, cần lưu ý mặt trái của tình trạng một đảng độc tôn lãnh đạo dễ dẫn đến nguy cơ chủ quan, tự mãn, kêu ngạo, đặc quyền đặc lợi, quan liêu, xa rời nhân dân mà không ai dám phê phán. Bệnh quan liêu trong quản lý nhà nước, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân gắn liền với quan liêu, thiếu dân chủ trong nội bộ Đảng. Đã quan liêu, mất dân chủ trong nội bộ Đảng thì khó có thể dân chủ với Nhân dân. Đây là nguy cơ thoái hóa, biến chất lớn nhất của đảng cầm

quyền, nhất là của những người nắm quyền lực. Với những lợi ích và khó khăn đó, việc làm cho Đảng thực sự là biểu tượng về dân chủ là vấn đề cốt tử để phát huy dân chủ với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Ở đây, cần phân tích vì sao Đảng Cộng sản Liên Xô bị mất vai trò lãnh đạo. Có nhiều nguyên nhân, nhưng đáng chú ý là sự không ăn khớp giữa nghị quyết và cuộc sống, giữa lời nói và việc làm. Đảng Cộng sản Liên Xô tập trung quá mức quyền lực vào cơ quan đảng cao cấp, nên hầu như đã khuyến khích sự thụ động chính trị trong nhân dân. Đảng Cộng sản Liên Xô đã biến bộ máy đảng hoặc thành cơ quan siêu quyền lực, hoặc thành cơ quan nhà nước, làm chức năng của cơ quan nhà nước. Đã xảy ra tình trạng Đảng Cộng sản Liên Xô ngày càng xa rời nhân dân, thoát ly thực tiễn nên không nắm bắt được diễn biến đời sống chính trị, tư tưởng của quần chúng và các đảng viên. Hơn nữa, Đảng Cộng sản Liên Xô còn lún sâu vào bệnh chủ quan, duy ý chí, quan liêu ở hầu hết mọi bộ phận, mọi phương diện của hệ thống chính trị mà Đảng lãnh đạo. Sự biến dạng của các thể chế dân chủ không những giảm sút rõ rệt khả năng tham gia tích cực và chủ động của quần chúng vào công việc quản lý nhà nước mà còn làm tăng sự thờ ơ, sự lãnh đạm chính trị của quần chúng nhân dân. Trên thực tế, Đảng Cộng sản Liên Xô dành cho mình quá nhiều đặc quyền, đặc lợi. Có thể nói, mất dân là bài học thất bại đau đớn nhất của Đảng Cộng sản Liên Xô. Một đảng cầm quyền nếu không tạo dựng được niềm tin vững chắc của nhân dân, không có chỗ dựa nơi quần chúng nhân dân thì sẽ khó tránh khỏi việc đánh mất vai trò đảng cầm quyền. Do đó, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng là một trong những điều kiện thiết yếu cho sự tồn tại vững chắc của nắm quyền. Vấn đề đặt ra là, một đảng khi đã trở thành đảng lãnh đạo, cầm quyền thì đảng đó phải tổ chức hệ thống chính trị, phải xây dựng thể chế chính trị như thế nào và lãnh đạo sự vận hành của tổ chức ra sao để không hạn chế dân chủ, không vi phạm dân chủ.

2. Vấn đề thực hành dân chủ ở chế độ một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam

Thứ nhất, việc thực hành dân chủ yêu cầu gì ở đảng cầm quyền?

Đảng cầm quyền phải thực hiện cầm quyền vì dân và dựa vào dân, cầm quyền theo Hiến pháp và pháp luật, cầm quyền một cách khoa học và dân chủ. Để thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội, yêu cầu đặt ra đối với đảng cầm quyền như sau:

Một là, Đảng cần tiếp tục đổi mới cả trong công tác lý luận, công tác tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra và phương thức lãnh đạo theo hướng mở rộng dân chủ hơn nữa, khắc phục những hạn chế, thiếu sót mà Đảng

đã mắc phải. Đảng phải thường xuyên coi trọng việc xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, chăm lo công tác cán bộ; phải thường xuyên nâng cao trình độ trí tuệ và chất lượng công lý luận với sức sáng tạo cao. Đường lối, chủ trương, chính sách phải luôn xuất phát lợi ích của Nhân dân.

Hai là, Đảng phải thực sự thấm nhuần dân là gốc, dân là chủ và dân làm chủ; tránh dân chủ hình thức. Đại hội VI đã nêu: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, sau đó Nhà nước đưa thành Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Ba là, Đảng phải giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh làm trong sạch Đảng và chống tham nhũng, lãng phí.

Bốn là, cùng với việc chủ động nâng cao đạo đức trong Đảng, phải rất coi trọng công việc nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng và thu hút được nhiều nhân tài vào Đảng. Đề phòng tính kiêu ngạo cộng sản, biết lắng nghe ý kiến của Nhân dân.

Năm là, thực hiện tốt Di chúc của Hồ Chí Minh: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”. Đây là thời điểm chốt để tăng cường quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhân dân. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước phải không ngừng nâng cao trình độ dân trí.

Có thể làm được những điều nói trên thì mới thực hiện được dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền.

Thứ hai, vấn đề phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề dân chủ và phát huy dân chủ được Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và thực hiện ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn; xác định rõ “dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước”. Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp thu, phát triển những giá trị trong tư tưởng về dân chủ của nhân loại, đặc biệt là tinh sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một hình thức chính trị - nhà nước thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của công dân, xác định Nhân dân là chủ thể của quyền lực. Quyền làm chủ của Nhân dân có thể được hóa thành quy định, nguyên tắc tổ chức, vận hành của Nhà nước và có thể chế độ chính trị tạo nên chế độ dân chủ.

Nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa là “tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”. Đảng Cộng sản Việt Nam đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa: Dân chủ gắn liền với quyền làm chủ của Nhân dân; dân là gốc, dân là chủ và dân làm chủ. Xây dựng nền tảng chủ nghĩa xã hội

là một mục tiêu lớn, một nội dung quan trọng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Qua gần 40 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những phát triển mới, quan trọng trong việc nhận thức về dân chủ. Quan niệm về dân chủ được mở rộng. Dân chủ được xem xét trên nhiều khía cạnh: Dân chủ là chế độ chính trị; dân chủ là một giá trị; dân chủ là phương thức và nguyên tắc tổ chức xã hội; dân chủ chung đối với xã hội và dân chủ với mỗi cá nhân; dân chủ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Dân chủ phản ánh một bước chuyển từ thể chế chính trị dựa trên tuân thủ mệnh lệnh sang thể chế hợp tác, đồng thuận đầy trách nhiệm. Đặc biệt, dân chủ không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì nó phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, giải phóng năng lực sáng tạo của con người.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa phải tiếp thu và phát triển các loại giá trị nhân loại về dân chủ, trong đó có dân chủ tư sản. Đây là một vấn đề rất quan trọng, bởi vì con đường phát triển của nước ta là quá độ lên nghĩa xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng là bỏ qua chế độ dân chủ tư sản. Song, cần phải khẳng định sự khác nhau về chất giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ tư sản, đó là sự khác biệt căn bản giữa dân chủ cho đa số nhân dân lao động và dân chủ cho thiểu số bóc lột. Cần phải tham khảo thành quả dân chủ của nhân loại, nhất là trong bối cảnh hiện tại của quốc tế. Đó là những thành tựu của các nước phát triển về quản lý nhà nước, về thiết kế bộ máy tổ chức chính trị, bộ máy quản lý nhà nước, về hành chính công, về trách nhiệm xã hội của cá nhân... Tuy nhiên, cũng không áp dụng máy móc các hình thức dân chủ nước ngoài vào nước ta.

Dân chủ là một quá trình phát triển lâu dài, là kết quả của giáo dục ý thức dân chủ và nâng cao năng lực thực hành động dân chủ, phụ thuộc quá trình phát triển của cả kinh tế, xã hội, con người lẫn phát triển văn hóa dân chủ. Đây là một quá trình không thể nóng vội, không được thoát lý thực tiễn chính trị nước ta. Phải dân chủ trong tất cả các cấp độ: từ cơ sở lãnh đạo cao nhất đến cấp cơ sở, đặc biệt quan trọng là dân chủ ở cơ sở. Phải tìm tòi, tổng kết thực tiễn để tìm ra và ngày càng hoàn thiện các hình thức thực hiện dân chủ, cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Kiên quyết chống các biểu hiện lệch lạc như dân chủ hình thức, dân chủ cục đoan, lợi ích dân chủ để gây rối, làm tổn hại lợi ích công dân và Nhà nước. Kiên quyết bác bỏ các luận sai trái về dân chủ, nhân quyền.

Thực chất của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy vai trò chủ thể của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội và Nhân dân thúc đẩy huy động mọi nguồn lực để thúc đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là phát huy vai trò tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.

Mục tiêu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là củng cố và tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong Nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa vững chắc; giữ ổn định chính trị, tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển toàn diện đất nước; tăng cường mối liên hệ gắn kết giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, có thể hiện thực hóa chất ưu việt của chế độ mới. Nội dung cơ bản của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là Đảng thông qua Nhà nước lãnh đạo toàn xã hội phát triển theo đúng con đường xã hội chủ nghĩa; Nhà nước là tổ chức quyền lực của Nhân dân, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật, tổ chức quản lý điều hành xã hội để thực hiện đường lối của Đảng và lợi ích của Nhân dân; các tổ chức chính trị và tổ chức xã hội hoạt động đúng đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước nhằm thể hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ tổ chức của các tầng lớp nhân dân; tăng cường mở rộng hơn nữa dân chủ trực tiếp.

Nhân dân có quyền và trách nhiệm trực tiếp xây dựng, hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, mọi chủ trương của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước đều phải trực tiếp phản ánh lợi ích của đa số Nhân dân. Để đảm bảo củng cố và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định một số nguyên tắc trong hoạt động dân chủ. Cụ thể:

Một là, nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, hoạt động của Đảng và Nhà nước. Tập trung dân chủ là một nội dung thống nhất, không phải là sự kết hợp hai mặt giữa tập trung và dân chủ. Tập trung và dân chủ là tập trung trên cơ sở dân chủ. Dân chủ theo nguyên tắc tập trung dân chủ là dân chủ hướng tới tập trung, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động.

Hai là, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Mặt trận quốc gia Việt Nam là chế độ hiệp thương dân tộc. Đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức rộng rãi bao gồm tất cả các giai cấp và tầng xã hội, với các mục tiêu phát huy sức mạnh của đoàn quân đoàn cho đến khối dân tộc đại đoàn kết. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội - một thể chế dân chủ thực chất mà không cần nhiều đảng chính trị.

Ba là, các điều kiện để xây dựng và phát huy dân chủ xã hội nghĩa. Để phát huy dân chủ về kinh tế phải thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Để phát huy dân chủ về chính trị phải nâng cao hiệu quả hoạt động

của cơ quan nhà nước các cấp, đảm bảo Nhà nước thực sự của dân, làm dân, vì dân, phấn đấu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điều kiện quyết định nhất để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là Đảng nêu gương về dân chủ và lãnh đạo tốt quá trình đổi mới hoạt động của Nhà nước. Dân chủ trong Đảng quyết định dân chủ trong tổ chức hoạt động của Nhà nước, gắn liền với dân chủ trong xã hội. Bởi vì, trong cơ quan nhà nước có tổ chức đảng, cán bộ chủ đầu là đảng viên, cán bộ đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ thực hiện toàn bộ trong Đảng lẫn trong Nhà nước. Do đó, Đảng lãnh đạo quá trình dân chủ hóa tất yếu phải lãnh đạo nhà nước thực hiện dân chủ, lãnh đạo nhân dân tham gia giám sát cơ quan, công chức nhà nước trong bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân.

Thứ ba, về phát huy dân chủ trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Xây dựng nhà nước pháp quyền là một đòi hỏi tất yếu, khách quan và phù hợp với xu thế phát triển lịch sử chung của xã hội loài người, bởi nhà nước pháp quyền là một giá trị chung của nhân loại, là sản phẩm của tiến trình xã hội. Quan niệm cho rằng nhà nước pháp quyền là một sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, là cái đã lỗi thời và trái ngược với chủ nghĩa xã hội, đã và đang gây trở ngại cho tiến trình phát triển xã hội nói chung, cho việc làm xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, làm dân, vì dân nói riêng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng khẳng định: “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, làm dân, vì dân”. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 cũng khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”. Như vậy, Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ bản chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhận thức được rằng việc xây dựng nhà nước pháp quyền dưới lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công của chế độ, của bản thân Đảng Cộng sản. Điều này có thể hiện rõ trong thực tế đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống các luận điệu xuyên tạc suốt trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước cũng như trong quá trình kiện toàn, hoàn thiện, nâng cao hiệu lực của bộ máy nước.

Trên thực tế việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là ở Việt Nam không đứng trên mảnh đất trống rỗng, mà ngược lại, trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, nhà nước phải là sự kế thừa từ các hình thức nhà nước pháp quyền đã có trong lịch sử cũng như những yếu tố còn giá trị, phù hợp với xu thế phát triển xã hội nói chung, với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể và điều kiện kinh tế, chính

trị, xã hội của đất nước ta nói riêng. Bởi vậy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân mà chúng ta đang xây dựng, một mặt, mang trong mình những giá trị lịch sử của nhân loại về nhà nước pháp quyền; mặt khác, phải có những nội dung đặc thù nên với các hình thức nhà nước pháp quyền trước đó trên các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Trong các biểu hiện đặc thù của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc thực hành dân chủ trong điều kiện là một lãnh đạo phải được coi là một trong những nội dung cơ bản. Nội dung khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân chính là biểu hiện tập trung nhất của dân chủ trong nhà nước pháp quyền.

Không có nhà nước pháp quyền thực sự thì cũng không thể có nền dân chủ thực sự và vững chắc. Chỉ có thông qua nhà nước pháp quyền, nhân dân mới có thể cùng nhà nước tạo ra những thiết kế, cơ chế xã hội ứng dụng bảo đảm dân chủ và tự làm trong xã hội. Đến lượt mình, dân chủ vừa là điều kiện, vừa là động lực thúc đẩy sự hình thành, phát triển và hoàn thiện của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Có thể nói, xây dựng và hoàn thiện quyền pháp lý nhà nước chính là vấn đề xây dựng một bộ công cụ hữu hiệu để một xã hội thực hiện và bảo vệ chủ sở hữu nền dân chủ của mình. Bản thân dân chủ muốn hoàn thiện thì phải có một hệ thống pháp luật minh bạch, hiệu quả, phản ánh thực tế đời sống xã hội một cách khách quan cũng như định hướng tốt cho xu thế phát triển xã hội, thể hiện ý chí và tương vọng chính đáng của Nhân dân, đồng thời bảo đảm thực thi pháp luật một cách nghiêm minh, có hiệu quả. Nền dân chủ trong đời sống xã hội càng cao thì nhà nước pháp quyền càng được củng cố và hoàn thiện. Vì thế, không ngừng phát huy và mở rộng dân chủ là nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu của nhà nước pháp quyền.

Chương 2

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I. THỰC TRẠNG PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Những thành tựu đạt được

a) Thực hành dân chủ trong lĩnh vực kinh tế

Một là, về quan hệ giữa kinh tế và dân chủ

Dân chủ là bản chất xã hội của con người, bởi mỗi con người sinh ra đều có khát vọng làm chủ tự nhiên, làm chủ bản thân, từ đó làm chủ xã hội. Như vậy, dân chủ, về bản chất, trước hết là vấn đề xã hội. Để thực hiện được khát vọng làm chủ xã hội, con người phải đấu tranh để vượt qua những lực cản xã hội, phấn đấu để đạt tới những giá trị xã hội cao quý - đó là vấn đề chính trị của dân chủ. Dân chủ trở thành vấn đề chính trị - xã hội. Thực hành dân chủ phải thể hiện trong công việc làm chủ chính trị - xã hội và làm chủ thực sự trên lĩnh vực chính trị - xã hội. Tuy nhiên, để có thể làm chủ trong lĩnh vực chính trị - xã hội, trước hết con người phải sống. Về nguyên lý này, trong triết học chính trị, C.Mác và Ph.Ăngghen đều lấy kinh tế làm cơ sở cho việc phân tích quá trình vận động và phát triển của xã hội - và theo các ông, xét đến cùng, kinh tế là yếu tố quyết định sự phát triển xã hội, do đó, nó cũng quyết định các hoạt động chính trị - xã hội của con người, trong đó có hoạt động để đạt được khát vọng dân chủ. Như vậy, thực hành dân chủ bao giờ cũng gắn chặt với vấn đề chính trị - kinh tế, trong đó yếu tố chính trị gắn liền với yếu tố kinh tế.

Kế thừa và phát triển triết lý của C.Mác và Ph.Ăngghen về mối quan hệ gắn bó giữa kinh tế và dân chủ, V.I.Lênin đã khái quát hết sức sâu sắc: “Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế”; “chính trị là kinh tế cô đọng lại”⁶¹. Mặc dù V.I.Lênin không bao giờ quên, thậm chí còn đề cao vai trò quan trọng của chính trị đối với kinh tế - “Chính trị không thể chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế”⁶² nhưng với quan điểm đó, thực chất, ông đã khẳng định bản chất cốt lõi kinh tế của

⁶¹ V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, t.42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.311-312.

⁶² V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, t.42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.311.

mọi hoạt động chính trị - xã hội của con người, trong đó đều có hoạt động thực hành dân chủ.

Dân chủ hình thành thực tế khi có kinh tế thị trường (trước đó chỉ là chế độ quân chủ với các chế độ quân chủ chính trị khác nhau). Bởi vì, bản chất của kinh tế thị trường là một quá trình xã hội hóa mọi nguồn vật chất và trí tuệ của xã hội, nhằm tạo ra cải cách, đồng thời tạo ra các quan hệ lợi ích, quan hệ xã hội, quan hệ chính trị theo tiến trình từ thấp đến cao. Nói đến nền kinh tế thị trường là nói đến nền kinh tế vận động theo luật thị trường - quy luật giá cả, quy luật cung - cầu, quy luật lợi nhuận. Tuy nhiên, nền kinh tế nào cũng là nền kinh tế của một chế độ chính trị - xã hội nhất định. Điều chỉnh nền kinh tế thị trường, giải quyết lợi ích hệ thống theo mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của một xã hội nào đó không thể hoàn thành ý chí chủ quan của một thế lực (quyền lực chính trị), kinh tế) dù thế nào đi nữa cũng được thực hiện bằng những quy định của tất cả các công dân trong toàn xã hội. Điều đó đòi hỏi phải có một tổ chức - một bộ máy quyền, thực hiện chức năng quản lý, điều hành và điều chỉnh các lợi ích trong xã hội bằng luật. Tổ chức này là nhân dân xây dựng nên với các chức năng, nhiệm vụ là phục vụ công dân. Nó hoạt động theo quy ước Hiến pháp và hệ thống luật (tất cả các công dân xây dựng nên thực hiện ý chí, nguyện vọng của công dân). Đó là nhà nước pháp quyền, nhà nước vận hành theo pháp luật, pháp luật là tối thượng. Với Hiến pháp và hệ thống luật xây dựng công dân, nhà nước pháp luật phải hoạt động theo ý chí của nhân dân, thực hiện mục tiêu của nhân dân, phục vụ nhân dân. Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhu cầu của nền kinh tế thị trường, đồng thời là công cụ tiết nền kinh tế thị trường vận động mục tiêu của xã hội dân chủ- của nhân dân, của các chủ thể xã hội - chủ thể kinh tế, chủ thể chính trị, chủ thể văn hóa. Đó chính là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bởi vì nhà nước này điều hành nền kinh tế thị trường theo mục tiêu, lợi ích của nhân dân; nền kinh tế thị trường này cũng là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội nghĩa là nền kinh tế mà ở đó, tăng trưởng kinh tế gắn liền với công việc đảm bảo bằng cách phát triển văn hóa, thực hiện tiến trình xã hội, phát triển con người, nhằm mục tiêu ngày nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân.

Hai là, thực hành dân chủ và phát triển nền kinh tế thị trường đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để nhân dân làm chủ thực sự về kinh tế, trước hết phải giải quyết vấn đề cơ bản nhất, đó là vấn đề sở hữu của chính người dân. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải được kết cấu từ nhiều hình thức sở hữu: sở hữu toàn

dân (nhà nước là đại diện chủ sở hữu), sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân,... Trong đó, sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể phải trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Để làm được điều đó, định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong trình độ hiện tại, không loại trừ các quan hệ sở hữu tư nhân và sở hữu tư bản chủ nghĩa, thừa nhận tính chất sở hữu như bất kỳ nền kinh tế thị trường nào khác. Từ các hình thức sở hữu cơ bản đó, với sự quản lý, điều hành, điều tiết của Nhà nước sẽ hình thành các tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng, đan xen; trong đó, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, dẫn dắt sự phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân - vừa làm cho nền tảng kinh tế quốc dân vững chắc, vừa phát huy quyền và năng lực làm chủ của các tổ chức, đơn vị kinh tế.

Đồng thời khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng vai trò của các thành phần kinh tế khác. Chúng được đặt trong cơ sở mối quan hệ gắn bó hữu cơ, trong một thể thống nhất, không tách rời kinh tế nhà nước trong tất cả các giai đoạn phát triển và đều là thực thể của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh chính là phát triển các chủ thể kinh tế nhằm phát huy năng lực làm chủ của toàn bộ nền kinh tế, của các chủ thể kinh tế, của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chủ thể (thành phần) kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu, đều bình đẳng với nhau và bình đẳng trước pháp luật; Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, mọi thành viên trong xã hội phát huy cao độ tính năng động, sáng tạo, năng lực quản lý và nhân tài vật lực để tổ chức sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều cải cách cho cá nhân và xã hội, phát triển kinh tế cá nhân, kinh tế gia đình, kinh tế tập thể và kinh tế quốc dân - những cơ sở và điều kiện để nhân dân làm chủ kinh tế - xã hội. Song song với đó, Nhà nước đã hoàn thiện Luật doanh nghiệp và thực hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đó là cách thức khuyến khích, kích thích, phát huy quyền làm chủ và khả năng làm chủ kinh tế của các thành phần kinh tế.

b) Thực hành dân chủ trong lĩnh vực chính trị

Một là, dân chủ trong hoạt động của Đảng

Trong hoạt động của Đảng, tính chất dân chủ càng rõ ràng hơn. Từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, cùng với chủ đề đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức và cán bộ, Đảng chủ đề ra nhiệm vụ đổi mới phong cách lãnh đạo (chưa đề cập đến phương thức lãnh đạo) theo hướng dân chủ hơn. Đảng luôn nhấn mạnh cần thay đổi phong cách làm việc, tác phong đi sâu,

đi sát thực tế, nắm bắt thông tin nhanh chóng và chính xác, có chương trình kiểm tra; cán bộ phải sâu sát cơ sở; cơ quan lãnh đạo phải nắm quyền lãnh đạo tập trung, điều hành thống nhất; tăng cường khả năng lãnh đạo tập thể; mở rộng sinh hoạt dân chủ; nghiên cứu những kinh nghiệm sáng tạo của cơ sở; lắng nghe ý kiến của quần chúng; các chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể; người lãnh đạo phải biết nghe ý kiến trái với mình.

Nhìn chung, sự lãnh đạo Đảng theo hướng dân chủ trong thời kỳ đổi mới vừa qua đã đạt được nhiều thành tựu. Đảng đã thúc đẩy dân chủ hóa phương thức lãnh đạo Đảng; coi trọng việc lãnh đạo thể chế hóa nghị quyết, lãnh đạo xây dựng luật và pháp lệnh để toàn dân thực hiện. Điều đó đã góp phần giảm bớt tình trạng bao biện, làm thay, áp đặt. Đảng coi trọng việc quy chế hóa, quy trình hóa trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan đảng và một số cơ quan của Nhà nước; quy trình hóa, quy chế công tác cán bộ. Nếu trước đây Quốc hội chủ yếu hợp thức hóa các chủ trương của Đảng thành quy phạm pháp luật của Nhà nước thì hiện nay ở nhiều vấn đề, Bộ Chính trị không quyết định trước mà chỉ cho phương hướng để Quốc hội giải quyết, thậm chí có những vấn đề Bộ Chính trị cũng phải thay đổi khi Quốc hội có quyết định khác, nghĩa là Quốc hội càng ngày càng có thực quyền hơn. Các cấp ủy đảng giảm bớt sự can thiệp, áp đặt một cách không cần thiết vào công việc của cơ quan nhà nước, không quyết định các chỉ tiêu, biện pháp cụ thể. Các cơ quan nhà nước tự quyết định phương án, biện pháp tiến hành. Sinh hoạt của Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp giảm bớt tính thụ động, chỉ nặng về sự nhất trí với chủ trương của Đảng như trước. Đối với không ít vấn đề, tuy cấp ủy đã dự kiến nhưng các cơ quan nhà nước bổ sung những giải pháp mới hoặc điều chỉnh một số chỉ tiêu, sau đó cấp ủy xem xét đánh giá lại và thấy hợp lý. Các cán bộ Nhà nước được bầu và bổ nhiệm theo đúng quy định của Nhà nước. Mọi người càng thấy rõ rằng không thể duy trì lối lãnh đạo theo kiểu áp đặt, bao biện, làm thay Nhà nước như trước. Những điều này khác xa so với thời kỳ trước khi thay đổi mới⁶³.

Trong nỗ lực đổi mới lãnh đạo của Đảng theo hướng dân chủ hơn đối với Nhà nước, năm 2009, một số địa phương đã tiến hành thí điểm nhất thể hóa chức danh bí thư và chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã, phường. Ngày 24-2-2009, Bộ Chính trị có Thông báo số 223-TB/TW về việc “Thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã và địa phương không tổ chức hội đồng nhân dân”. Đây là một vấn đề mới, chưa được

⁶³ Xem GS.TS. Nguyễn Phú Trọng, PGS.TS. Tô Huy Rứa, PGS.TS. Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.157-158.

quy định trong Đảng Điều lệ, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân. Thực hiện thí điểm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã là nhằm tiếp tục nghiên cứu mô hình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tạo ra sự đồng bộ, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các mặt công tác của địa phương; góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu.

Nhận định về thành tựu trong thực hành dân chủ thời kỳ đổi mới, Đảng khẳng định: “Phương thức lãnh đạo Đảng tiếp tục được đổi mới, vừa bảo đảm sự lãnh đạo Đảng, vừa phát huy tốt hơn tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Việc mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng được chú trọng; đã thí điểm chủ trương đại hội đảng bầu trực tiếp ban thường vụ, bí thư, phó bí thư. Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng đạo từ trung ương đến cơ sở tiếp tục được cải tiến theo hướng sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát”.

Phát huy tinh thần dân chủ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải đảm bảo phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội”. Trong điều kiện một đảng cầm quyền, Đảng phải xây dựng mối liên hệ mật thiết với Nhân dân, mọi chủ trương, đường lối và chính sách phải bám sát thực tiễn cuộc sống của Nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Do vậy, thực hành, phát huy dân chủ trong Đảng phải luôn được coi là yếu tố tiên phong, dẫn đầu nhằm tạo khuôn mẫu, mực thước cho Nhân dân noi theo. Trong giai đoạn đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quan hệ quốc tế sâu rộng hiện nay, vấn đề phát huy dân chủ trong Đảng làm tiền đề cho việc phát huy mạnh mẽ dân chủ trong xã hội lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi vì còn có một bộ phận cán bộ, đảng viên tuy có nhận thức đúng, đầy đủ về thực hành, phát huy dân chủ nhưng chỉ là trên lý thuyết, còn trên thực tế, nhận thức đó chưa biến thành hành động, nói không đi đôi với làm. Phát huy tốt dân chủ trong Đảng sẽ xây dựng niềm tin vững chắc của Nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Hai là, dân chủ trong hoạt động của Nhà nước.

Khi chủ xây dựng Nhà nước ta trở thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, Hiến pháp năm 1992 đồng thời chỉ ra các đặc điểm của mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân

dân, do Nhân dân, vì Nhân dân mà Đảng và Nhân dân ta xây dựng. Mô hình đó có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phân phối giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Thứ hai, Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của Nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự làm, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Thứ ba, Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của Nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân.

Thứ tư, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng chủ trương, đường lối và mục tiêu chính trị của mình, trong đó mục tiêu chính trị cao nhất của Đảng là vì lợi ích của Nhân dân, do vậy mà Đảng được Nhân dân suy tôn, ủy thác quyền lãnh đạo xã hội. Với vai trò này, để cụ thể hóa, thực thi đường lối chính trị, Đảng cần có bộ máy nhà nước làm Đảng lãnh đạo; vì vậy, Đảng có nghĩa vụ và trách nhiệm giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng Đảng không bao biện, làm thay công việc của Nhà nước. Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước và bằng Nhà nước, trước hết là để phát huy vai trò và hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ đất nước, làm chủ xã hội của Nhân dân.

Thứ năm, mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Với tư cách đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng thông qua Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp và luật pháp nước ta do Nhà nước ban hành được xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng, thể hiện ý chí, mục tiêu chính trị của Đảng, ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, vì Đảng ta không có mục tiêu nào khác ngoài lợi ích của Nhân dân. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật do Đảng lãnh đạo xây dựng; do vậy, mọi tổ chức của Đảng cũng đều phải hoạt động trong Hiến pháp và pháp luật đó.

Thứ sáu, Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc; các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình; Nhà nước thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ bảy, Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, làm Nhân dân bầu ra và trách nhiệm trước Nhân dân; Quốc hội, hội đồng nhân dân và các cơ sở khác của Nhà nước đều được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thứ tám, việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; đại biểu Quốc hội được bầu cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm và đại biểu hội đồng nhân dân được bầu cử hoặc hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi đại biểu đó không đáng xứng đáng với tín nhiệm của Nhân dân.

Thứ chín, các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng.

Thứ mười, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường chế độ xã hội chủ nghĩa; các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải chấp hành pháp Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng chống và chống tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật; mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều được xử lý theo luật.

Chủ trương thực hành dân chủ trong hoạt động của Nhà nước được Đảng nhận thức ngày càng rõ ràng hơn và cụ thể hơn; đã và đang tiếp tục được cụ thể hóa thành các quy định pháp luật và được thực hiện trong thực tế. Việc thực hiện chủ trương đó đã đạt được những thành tựu to lớn, làm thay đổi cơ bản đời sống chính trị của nước ta. Quốc hội đã có nhiều đổi mới quan trọng ở các khâu bầu cử đại biểu, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động. Quốc hội hoạt động thường xuyên hơn, dân chủ hơn; tranh luận và thảo luận thẳng thắn, thiết thực hơn; mở rộng chất vấn; tăng cường lắng nghe và tiếp xúc cử tri. Hoạt động của Quốc hội có hiệu quả hơn, được Nhân dân quan tâm nhiều hơn. Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 1992; đã sửa đổi Hiến pháp năm 1992 thành năm 2001, sửa đổi và ban

hành pháp Hiến pháp năm 2013; đã sửa đổi và ban hành nhiều văn bản luật quan trọng; loại bỏ quy định hàng trăm quy định lỗi thời; cụ có thể hóa và thể chế hóa nhiều quyền công dân và quyền con người. Bộ máy của chính phủ và cơ quan chính quyền địa phương được kiện toàn. Các bộ đã được đổi mới theo hướng quản lý đa ngành và đa lĩnh vực; phân tách chức năng quản lý nhà nước với quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp; phân biệt chức năng của cơ quan hành chính công quyền với các đơn vị sự nghiệp. Số lượng bộ, cơ sở ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ đã giảm gần một nửa. Số lượng đầu mối trong bộ máy ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện giảm khoảng một nửa. Chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các cơ quan tư vấn ngày càng được xác định rõ hơn. Tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân tối cao và cấp tỉnh được điều chỉnh theo hướng thiết lập các Tòa án chuyên trách. Tổ chức bộ máy của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được điều chỉnh theo hướng tập hợp thực hiện chức năng công tố, chức năng giám sát, giải quyết các nhiệm vụ hành chính, kinh tế, lao động và phá sản doanh nghiệp. Quy trình xét xử khoa học hơn; hiệu quả tranh tụng được nâng cao hơn; vai trò của luật sư được coi trọng hơn. Trên các lĩnh vực như thể chế hành chính, tổ chức bộ máy hành chính, phương thức hoạt động và đội ngũ công chức, nền hành chính quốc gia đã được cải thiện một bước theo hướng ngày càng khoa học, chính quy, công khai⁶⁴.

Nhận định về thành tựu thực hành dân chủ trong hoạt động của Nhà nước, trong Văn kiện Đại hội XI đã viết: “Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được thúc đẩy, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng cao lên”⁶⁵; “Quốc hội tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động. Hệ thống luật được bổ sung. Hoạt động giám sát đã tập trung vào những vấn đề bức xúc, quan trọng nhất của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách dự án nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều cải tiến nội dung, phương pháp công tác; đề cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội”⁶⁶; “Cơ cấu tổ chức, bộ máy của phủ Chính được sắp xếp, điều chỉnh, giảm đầu mối liên kết theo hướng tổ chức các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ năng động, tập trung nhiều hơn vào quản lý vĩ mô và giải quyết các vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng, đã

⁶⁴ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết luận, *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.86-89.

⁶⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện địa hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.159.

⁶⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện địa hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.160.

rà soát, bước đầu tổng hợp thành thủ tục hành động chính thống nhất và công bố công khai. Việc thực hiện thí điểm đổi mới về tổ chức máy chính quyền địa phương được tập trung chỉ đạo để rút kinh nghiệm”⁶⁷; “Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp có một số thay đổi mới. Việc tăng thẩm quyền cho tòa án cấp huyện, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, đề cao vai trò của luật sư trong tố tụng được thực hiện bước đầu có kết quả. Việc thực hiện các thủ tục tụng niệm ngày càng tốt hơn, hạn chế được tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên”; “Nhiều vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử. Trên một số lĩnh vực, lãng phí, tham nhũng từng bước được kiềm chế”⁶⁸.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khẳng định: “Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; Gắn kết với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu quả, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nước”⁶⁹. Để làm được điều đó, Đảng cho rằng cần phải: “Xác định cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền... Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, của mỗi cấp chính quyền địa phương”, “Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử, tốt nhất là hoạt động lập pháp của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát Đảng, Mặt trận Quốc gia, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát nhân dân”, đồng thời phải đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, chức năng theo định hướng “rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách cho cán bộ, công chức theo hướng dẫn khuyến khích cán bộ, công thức nâng

⁶⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện địa hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.161.

⁶⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện địa hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.161.

⁶⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện địa hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.39.

cao chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ sung cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài”⁷⁰.

c) Thực hành dân chủ trong lĩnh vực văn hóa, xã hội

Trong tiến trình đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước có trách nhiệm lãnh đạo và quản lý nền văn hóa phù hợp với định hướng chính trị đúng đắn của Đảng vừa bảo đảm phát huy quyền tự do, dân chủ của Nhân dân trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Trên tinh thần ấy, trong thời gian qua, trách nhiệm này đã được thực hiện bằng việc không ngừng đổi mới và hoàn thiện nền tảng dân chủ xã hội nghĩa là đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Các yêu cầu và nội dung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa từng bước được thể chế hóa thành luật, pháp lệnh, nghị định và được tổ chức thực hiện trên thực tế. Trong lĩnh vực văn hóa, một số luật, pháp lệnh, nghị định, quy định đã được ban hành làm căn cứ cho quản lý nhà nước và cho hoạt động của Nhân dân bảo đảm quyền làm chủ, quyền tham gia vào đời sống văn hóa của Nhân dân; chẳng hạn: Luật di sản văn hóa dân tộc (2001), Luật xuất bản (2012), Luật quảng cáo (2012), Pháp lệnh thư viện (2001), Nghị định số 113/2013/ND-CP ngày 2-10 -2013 về hoạt động mỹ thuật; Quy chế khen thưởng về khoa học - công nghệ, về văn học nghệ thuật; Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang (2011)... đã được ban hành và đi vào thực hiện. Đảng, Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trương và khuyến khích các cấp xã, phường, thôn, ấp, cụm dân cư, khu tập thể... xây dựng các quy ước về nếp sống văn hóa, giữ gìn trật tự, vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường. Cùng với điều đó, hệ thống thanh tra chuyên ngành, thanh tra nhân dân về văn hóa không ngừng được hoàn thiện. Song với việc xây dựng, ban hành luật, những quy định mang tính pháp quy, việc làm ban hành các chính sách trong lĩnh vực văn hóa cũng được xúc tiến một cách tích cực. Trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, các chính sách văn hóa phù hợp có vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ dành cho sự phát triển văn hóa mà còn tạo điều kiện cho việc thực hiện dân chủ trong lĩnh vực văn hóa.

Trong những năm qua, đã có nhiều sách kinh tế chính trong văn hóa được ban hành, trong đó, những sách chính đầu tư và nhóm chính sách tăng nguồn lực là những nhóm chính sách có vai trò đòn bẩy. Từ năm 1998, tức là từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa tới nay, việc xây dựng và ban hành

⁷⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện địa hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.181.

chính sách đầu tư cho văn hóa được thực hiện theo quan điểm “Tăng cường đầu tư cho văn hóa từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Tỷ trọng chi tiêu ngân sách cho văn hóa phải tăng tương ứng nhịp độ tăng trưởng kinh tế”⁷¹. Vì vậy, nguồn ngân sách chi cho văn hóa trong những năm qua đã tăng đáng kể theo đà tăng trưởng kinh tế; kinh phí cho sự nghiệp văn hóa đạt ít nhất 1,8% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Ngoài ra, các nguồn ngân sách từ trung ương, các địa phương đều có ngân sách cho văn hóa. Kinh phí đầu tư cho văn hóa được Nhà nước triển khai hàng năm theo các chương trình tiêu cấp quốc gia bao gồm các lĩnh vực văn hóa cơ sở, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các sản phẩm văn hóa tiêu biểu của dân tộc, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, du lịch. Chính sách của Nhà nước đầu tư cho các phương tiện văn hóa bao gồm: 1. Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, thư viện; 2. Đầu tư phát triển các ngành nghệ thuật, ngành công nghiệp văn hóa.

Cùng với các sách chính đầu tư cho các phương tiện văn hóa, trong những năm qua, nhóm sách chính đầu tư cho nguồn năng lực hoạt động văn hóa cũng được chú trọng. Những chính sách này được ban hành và thực hiện theo quan điểm “khuyến khích nhân dân lao động tham gia sự nghiệp xây dựng văn hóa trên cả hai mặt sáng tạo và hưởng thụ; giúp đội ngũ văn nghệ sĩ chuyên nghiệp làm tốt vai trò nòng cốt trong việc sáng tạo giá trị văn hóa mới; tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp với tiếp thụ tinh hoa văn hóa thế giới”⁷². Vì vậy, một mạng lưới rộng lớn các trường, viện thuộc hệ đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp... đã liên tục đào tạo nhân lực, chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa. Công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa cũng được quan tâm đầu tư và phát triển khai có hiệu quả. Nhiều dự án sưu tầm, bảo tồn văn hóa truyền thống như “Hồ sơ công chiêng Tây Nguyên”, “Hát ca trù”, “Hát quan họ”... đã được phát triển khai thành công. Các hội văn hóa nghệ thuật tỉnh, thành phố thường trực được nhà nước hỗ trợ hàng chục tỉ đồng cho các hoạt động. Quy định số 151/QĐ-TTg ngày 29-6-2006 của Thủ tướng Chính phủ cho phép các doanh nghiệp đặc thù của ngành văn hóa - thể thao - du lịch được hưởng mức thuế ưu đãi trong hoạt động kinh doanh (thuế vốn, thuế đất, khấu hao cơ bản); các đơn vị nghiệp vụ được trao quyền tự chủ về kinh tế theo tinh thần Nghị định số 10/2002/ND-CP ngày 16-1-2002 về chế độ tài chính ứng dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu,...

⁷¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.78.

⁷² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.45.

Các chính sách văn hóa trong kinh tế đang từng bước được đảm bảo cho văn hóa thể hiện rõ ràng trong các hoạt động kinh tế. Việc xây dựng các mục tiêu, giải pháp kinh tế đã từng bước gắn kết các mục tiêu, giải pháp văn hóa, chăm lo con người, đề cao đạo đức trong sản xuất kinh doanh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Chính sách xã hội hóa văn hóa đã từng bước chuyển giao quyền tổ chức điều hành các hoạt động văn hóa vốn tập trung trong tay Nhà nước sang hướng đa dạng hóa chủ thể quản lý. Việc thực hiện chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa trong thời gian qua đã huy động được nhiều nguồn lực tham gia vào các hoạt động văn hóa, tổ chức và điều hành quá trình sản xuất văn hóa, qua đó khẳng định quyền bình đẳng của con người trong sự tham gia hoạt động và thực hiện lợi ích trong lĩnh vực văn hóa. Cụ thể và tiêu biểu là Nghị định số 73/1999/NĐ-CP, ngày 19-8-1999 và Nghị định số 10/2002/NĐ-CP, ngày 16-1-2002 của Chính phủ về xã hội hóa hoạt động văn hóa với việc xác định tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh văn hóa phẩm của Nhà nước. Các doanh nghiệp được cổ phần hóa đã phát huy cả hiệu quả kinh tế lẫn hiệu quả văn hóa, đáp ứng tốt và rộng rãi hơn nhu cầu văn hóa của công chúng đông đảo. Cùng với điều đó, sự xuất hiện các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp của các đoàn thể, các tổ chức xã hội... đã góp thêm nhiều nguồn lực để phát triển đời sống văn hóa. Nhờ thế, trong những năm qua, việc tôn tạo các di sản văn hóa chưa được xếp hạng (đình, đền, miếu), việc xây dựng các Nhà văn hóa ở cơ sở (thôn, xóm, cụm dân cư) đã được thực hiện với nguồn kinh phí từ các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm và công sức trực tiếp của nhân dân. Người dân ở cơ sở không chỉ là người xây dựng các thiết chế văn hóa mà còn là người được hưởng lợi thông qua sự gia tăng mức hưởng thụ văn hóa, quyền tham gia vào hoạt động sáng tạo văn hóa. Ngoài ra, xã hội hóa văn hóa còn góp phần nâng cao trách nhiệm của người dân đối với việc bảo tồn và phát huy các hệ giá trị văn hóa truyền thống.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế, các chính sách văn hóa phù hợp và đáp ứng thời gian sẽ góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển văn hóa, qua đó tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào quá trình giao lưu văn hóa quốc tế. Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã đầu tư kinh phí thích hợp nhất trong trao đổi văn hóa, đưa các đoàn nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài, chào đón các đoàn nghệ thuật nước ngoài vào Việt Nam. Hợp tác trong các dự án bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa vật thể, như khu di tích Hoàng thành Thăng Long, thánh địa Mỹ Sơn, khu phố cổ Hội An; hoặc bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể, như ca trù, nhã nhạc cung đình Huế... đã được thực hiện với các quốc gia: Nhật Bản, Ba Lan, Thụy Điển, Pháp... Trong điều kiện hiện tại nay, khi Việt Nam đã là thành viên chính thức

của Tổ chức thương mại Thế giới (WHO) thì các chính sách hợp tác quốc tế về văn hóa càng có ý nghĩa lớn lao đối với việc thực hiện dân chủ trong lĩnh vực văn hóa.

2. Một số hạn chế về thực hành dân chủ trong thời gian qua

Có thể khẳng định rằng, việc thực hiện dân chủ trong các mặt hoạt động của Đảng, như công tác lý luận, công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, công tác kiểm tra,... đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ trong Đảng vẫn còn một số hạn chế, thể hiện diện ở chỗ:

Công tác tổ chức cán bộ vẫn chậm được đổi mới, còn một số biểu hiện trì trệ, yếu kém, bất cập. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Bộ máy còn chồng chéo; cơ chế vận hành và nhiều quan hệ còn bất hợp lý. Chưa thực sự lắng nghe ý kiến của nhân dân về tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đánh giá cán bộ. Chưa thực hiện dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ, chưa thực hiện cơ chế lựa chọn có số dư cho việc tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ, đặc biệt là chưa mở rộng dân chủ thực sự để tạo ra môi trường cho tài năng được phát huy. Chưa thực hiện công khai hóa chưa được thực hiện, minh bạch hóa các khâu trong công tác cán bộ để nhân dân được biết và có điều kiện theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu sức thuyết phục, tính chiến đấu còn hạn chế, chưa sâu sát thực tế, chưa linh hoạt. Tình trạng suy thoái của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống một phần là do công tác tư tưởng chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ giáo dục chính trị và tư tưởng. Các thông tin chưa được cung cấp thường xuyên để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Vẫn tồn tại hiện trạng nói nhiều, làm ít hoặc nói nhưng không làm.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng còn nhiều hạn chế, đặc biệt là chưa thực hiện đầy đủ dân chủ trong công tác này. Hầu hết các vụ tham nhũng, tiêu cực không phải do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan kiểm tra phát hiện được mà chủ yếu do nhân dân phát hiện, tố cáo hoặc báo chí nêu. Vì vậy, phải xây dựng đầy đủ, đồng bộ cơ chế, chính sách để nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên, vì không có cơ chế, chính sách cụ thể, đồng bộ thì nhân dân không thể giám sát, kiểm tra được.

Nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” trên thực tế ở nhiều nơi rơi vào hình thức, do không xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối liên hệ giữa cấp

trên và cấp dưới, giữa tập thể và cá nhân, khi sai sót, khuyết điểm không ai chịu trách nhiệm. Cần phải khẳng định rằng, việc thực hiện dân chủ ở nước ta thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, tích cực. Tuy nhiên, quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một số lĩnh vực còn bị vi phạm; thực hành dân chủ vẫn còn những hạn chế nhất định. Trong chế độ dân chủ và pháp quyền thì quyền lực nhà nước là do nhân dân ủy quyền, giao quyền. Quyền lực nhà nước là của nhân dân giao cho các cơ quan nhà nước, giao cho những người cụ thể, mà ở con người cụ thể khi dục vọng, thói quen nổi lên thì khả năng mắc sai lầm trong việc thực thi quyền lực càng lớn. Không thể khẳng định người được ủy quyền luôn làm đúng, làm đủ những gì mà nhân dân ủy quyền. Vì vậy, phải kiểm soát quyền lực nhà nước để hạn chế sự lạm quyền, lạm quyền. Muốn kiểm soát quyền lực nhà nước thì phải thực hành dân chủ rộng rãi. Nhưng dân chủ chưa được thực hành rộng rãi nên vẫn còn sự lạm quyền, lạm quyền, vẫn còn tình trạng quan liêu, cửa quyền, phiền hà đối với nhân dân, chưa khắc phục được bệnh tham ô, lãng phí,...

Đồng thời, Nhà nước còn chậm thể chế hóa các trương của Đảng về dân chủ thành pháp luật, quy chế... làm ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước cũng như chưa thực sự đảm bảo quyền lực của Nhân dân. Chẳng hạn, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã đề ra phải xây dựng Luật trưng cầu dân ý, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đề ra việc xây dựng luật về hội, đến nay Quốc hội chưa ban hành được các luật liên quan trực tiếp đến quyền lực nhân dân, như Luật trưng cầu ý dân, Luật về hội, Luật biểu tình... Chủ trương về “xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức cán bộ”⁷³ chưa được thực hiện.

Ngoài những thành tựu, việc thực hiện dân chủ trong xã hội ở nước ta còn một số hạn chế sau đây:

- Nhận thức về chủ dân ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế, nên thiếu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện chủ dân ở cơ sở.

- Nhiều chủ trương về thực hành dân chủ trong xã hội chưa được thể chế hóa, nên chủ trương thì đúng và hay, nhưng thực tế thực hành dân chủ trong xã hội chưa tốt, quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng và phát huy đầy đủ.

⁷³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.135.

- Việc giải quyết yêu cầu phát huy dân chủ, tự do ngôn luận, lắng nghe các ý kiến khác biệt, tư duy phản biện trong xã hội với việc giữ vững kỷ luật, kỷ cương, phép nước còn nhiều bất cập. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, dân chủ và pháp luật còn xuất hiện ở không ít người. Trong xã hội còn không ít hiện tượng vừa chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ hay dân chủ hình thức, lại vừa dân chủ quá trớn, cực đoan.

- Chưa có cơ chế bảo đảm để nhân dân thực hiện vai trò chủ thể của quyền lực, trên thực tế quyền lực vẫn thuộc về cơ quan nhà nước. Việc nhân dân giám sát chính quyền cũng chưa có cơ chế rõ ràng và còn rất mờ nhạt. Tình trạng quan liêu của bộ máy hành chính làm cho yêu cầu quản lý các quá trình kinh tế - xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân chưa thật nhanh, nhạy và hiệu quả cao.

- Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đã có nhiều đổi mới, Nhà nước đã cố gắng xây dựng, ban hành luật và đưa luật trở thành công cụ quan trọng trong quản lý đất nước, thực hành dân chủ trong xã hội; song, nhìn chung, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa đồng bộ, không thống nhất, hay thay đổi gây khó khăn cho các cơ quan thi hành pháp luật và nhân dân, ảnh hưởng đến việc thực hành dân chủ trong xã hội.

3. Nguyên nhân của những hạn chế và một số vấn đề được đặt ra

a) Nguyên nhân của những hạn chế về thực hành dân chủ ở nước ta

Một là, xã hội ta không có truyền thống dân chủ do xuất phát từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến (phong kiến chuyên chế phương Đông), bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội, trải qua chiến tranh lâu dài và áp dụng máy móc mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cũng có nghĩa là bỏ qua dân chủ tư sản, nhân dân chưa có ý thức và năng lực thực hành dân chủ, chưa có nền văn hóa dân chủ ở cấp độ cần thiết, chưa có thói quen tuân thủ pháp luật nên dễ rơi vào cực đoan.

Hai là, vấn đề dân chủ ở nước ta còn chưa được giải quyết tốt cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhiều vấn đề đặt ra chưa được giải quyết rõ ràng. Điều đó gây khó khăn cho việc thực hiện dân chủ.

Ba là, nhiều người không nhận thức đầy đủ vai trò động lực của dân chủ nên thực hành dân chủ không nơi đến chốn, không tạo được động lực thực sự cho sự phát triển xã hội.

Bốn là, thực hành dân chủ trong Đảng và trong Nhà nước chưa đạt hiệu quả cao nên ảnh hưởng đến thực hành dân chủ trong xã hội.

Năm là, Nhà nước pháp quyền đang hình thành nên việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng về dân chủ chưa kịp thời.

Sáu là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực hiện được vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Bảy là, trình độ dân trí chưa cao, chưa có ý thức pháp luật cũng có ảnh hưởng quan trọng đến thực hành dân chủ.

Ngoài ra, còn có nhiều nguyên nhân khác nữa, nhưng những nguyên nhân nói trên là những nguyên nhân cơ bản của mặt hạn chế về thực hành dân chủ ở nước ta.

b) Một số vấn đề đặt ra về thực hành dân chủ cần giải quyết

Một là, phải khắc phục tình trạng dân chủ hình thức, dân chủ quá trớn.

Kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) của Đảng cho đến nay, Đảng ta đã có những bước tiến bộ mới về thực hành dân chủ trong sinh hoạt cũng như trong đời sống xã hội. Song, chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận rằng, những tiến bộ đó còn rất khiêm tốn, trình độ dân chủ trong Đảng chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của công đổi mới đất nước. Vẫn còn một số hiện tượng vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức cùng tư tưởng gia trưởng, thành kiến,... Một bộ phận lãnh đạo ở các cấp, các ngành có biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, thậm chí lạm quyền, xa dân... Cùng với đó, đã xuất hiện những hiện tượng dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan dẫn đến tự do vô tổ chức, cục bộ địa phương, bản vị, mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật thống nhất của Đảng.

Tình trạng đó có những nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là từ những nguyên nhân chủ quan, do một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa có nhận thức đầy đủ, đúng đắn và thống nhất về vấn đề dân chủ và thực hành dân chủ, quan trọng hơn là chưa có một cơ chế hợp lý đảm bảo thực hành dân chủ trong sinh hoạt đảng và trong đời sống xã hội. Thực tế cho thấy rằng, để thực hiện các hoạt động dân chủ sâu rộng và ngày càng có hiệu quả trong sinh hoạt đảng và trong đời sống xã hội, nhất thiết phải có cơ chế đúng đắn, có những quy định cụ thể. Điều đó có nghĩa là, nội dung tư tưởng dân chủ và thực hành dân chủ phải được thể chế hóa, luật pháp hóa, buộc các đảng viên và các tổ chức đảng phải thực hiện nghiêm túc.

Điều lệ của Đảng đã quy định nhiều điều cụ thể để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy chế công tác cũng đã có chỉ rõ những điểm cần thiết. Song, có thể nói, cho đến nay, trước bước phát triển mới, trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi

mới đất nước nói chung, xây dựng Đảng nói riêng, cơ chế và những quy định đó cần phải có sự bổ sung, phát triển và cụ thể hóa hơn nữa trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng Đảng.

Hai là, vừa phải mở rộng thực hành dân chủ, vừa phải siết chặt kỷ luật, kỷ cương.

Chủ trương dân chủ hóa đời sống xã hội, mở rộng thực hành dân chủ trong Đảng và trong đời sống xã hội là chủ trương đúng đắn của Đảng ta. Song, quá trình thực hiện chủ trương này qua hơn 38 năm đổi mới, tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng và Nhà nước cũng như trong các tổ chức chính trị - xã hội có biểu hiện vi phạm kỷ luật, kỷ cương vẫn xảy ra, thậm chí có xu hướng ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng này là do nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do việc thực hành dân chủ trong Đảng và trong đời sống xã hội chưa được quán triệt đầy đủ, thống nhất, thực hiện chưa có hiệu quả; chế độ tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng chưa được thực hiện một quy định nghiêm túc. Với tư cách một đảng cầm quyền, lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng và thường xuyên nhấn mạnh thực thi chế độ tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ, cần phải hiểu thế nào cho đúng về nguyên tắc tổ chức cơ bản này của Đảng? Hiểu nguyên tắc tập trung dân chủ một cách đúng đắn, chúng ta cần phải xem dân chủ là mục tiêu, tập trung là con đường, là phương tiện, biện pháp đạt đến dân chủ. Thế nhưng, trong thực hành dân chủ ở nước ta vẫn xảy ra tình trạng chưa được nhận thức đúng và thực hiện đúng nguyên tắc này. Những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, kỷ cương thường không tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, thực hành dân chủ một cách hình thức; họ né tránh sự kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân. Do vậy, có thể nói, để thực hiện đúng đắn, có hiệu quả chủ trương mở rộng thực hành dân chủ, đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong đời sống xã hội, thì trước hết phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình; đồng thời, phải có cơ chế kiểm tra, giám sát và thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan có thẩm quyền, kết hợp với kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Ba là, phải kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu, cửa quyền, hống hách, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi... nhằm củng cố lòng tin của nhân dân.

Thành công của cuộc đổi mới toàn diện đất nước của Đảng lãnh đạo trong hơn 38 năm qua đã tạo ra trong đông đảo quần chúng nhân dân niềm tin vào Đảng,

vào sự lãnh đạo của Đảng; niềm tin ấy xuất phát từ những cảm nhận trực tiếp qua đường lối, chủ trương của Đảng, qua bầu không khí dân chủ mà Đảng đã tạo ra xã hội giúp thực hiện dân chủ rộng rãi. Tuy nhiên, gần đây, sự gia tăng tệ quan liêu, cửa quyền, hách dịch, nạn tham nhũng, đặc quyền đặc lợi của một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất đã tác động đến xã hội, khiến niềm tin của nhân dân bị suy giảm. Đây là một điều thực tế và đáng ta cũng xác định là một trong những nguy cơ cần phải kiên quyết khắc phục, nhất là tệ quan liêu và tham nhũng. Bởi, tệ quan liêu đang làm rạn nứt mối quan hệ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là “mối quan hệ máu thịt” giữa Đảng và Nhân dân. Hiện nay, điều đáng lưu ý là ngay cả ở các cơ sở tổ chức của Đảng - nơi mà lẽ ra, phải là nơi gần dân nhất, vẫn mắc bệnh quan liêu, có nơi rất trầm trọng. Do vậy, giờ đây, chúng ta cần phải xác định cuộc đấu tranh chống tệ nạn này vẫn là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ nhằm củng cố và thắt chặt “mối quan hệ máu thịt” giữa Đảng và Nhân dân.

Về nạn ma túy của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã thoái hóa, biến chất, có thể nói, hiện đã trở thành một loại tệ nạn, quốc nạn; nó như một thứ bệnh dịch đang lây lan và là nỗi đau nhức nhối của mọi người dân, làm hoen ố bầu không khí đạo đức của xã hội, phá hoại mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Kinh tế thị trường ở nước ta càng phát triển thì cuộc đấu tranh chống tệ nạn tham nhũng ngày càng trở nên gay go, phức tạp hơn nhiều. Chừng nào vấn nạn này vẫn tiếp tục hoành hành, tác oai tác quái thì uy tín của Đảng, Nhà nước trong Nhân dân sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng, giảm sút.

Để đấu tranh, khắc phục một cách hiệu quả tình trạng này, nhất là tệ nạn quan liêu, tham nhũng, chúng ta cần phải giải quyết việc xử lý những cán bộ, những người tham lam, độc đoán, chuyên quyền, trù dập, ức hiếp quần chúng; đồng thời, phát động quần chúng đấu tranh mạnh mẽ, sử dụng một cách có hiệu quả vũ khí công luận. Nói đến công luận là nói đến tính công khai. Tính công khai là biện pháp có hiệu quả bảo đảm thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Sử dụng tính công khai này với tư cách là một biện pháp hữu hiệu, chúng cần phải tùy theo từng vấn đề và ở những mức độ, phạm vi thích hợp để thực hiện công khai các hoạt động của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, ít nhất là của những người lãnh đạo các cấp. Chúng ta cần phải đặc biệt công khai tài chính, công khai chế độ đãi ngộ, công khai các ý kiến khác nhau, công khai xử lý kỷ luật,... chấm dứt tình trạng giữ bí mật những vấn đề không cần bí mật, xử lý nội bộ các trường hợp đã rõ ràng vi phạm pháp luật. Trong vấn đề này, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác có vai trò đặc biệt quan trọng. Thực tiễn cho thấy, chỉ có phần mở rộng tính công khai, sử dụng đúng công luận, chúng ta mới phát huy được dân chủ; phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh chống tệ quan liêu,

cửa quyền, hách dịch, tệ nạn tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi,... củng cố lòng tin của Nhân dân.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Dự báo thực hành dân chủ trong thời gian tới

Trong thời gian tới, với những tác động của tình hình chính trị trên thế và trong nước thì vấn đề phát huy dân chủ và thực hành dân chủ nói chung, vấn đề dân chủ và phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền ở Việt Nam nói riêng vẫn là vấn đề được đông đảo người dân quan tâm, là vấn đề mang tính xã hội quan trọng bởi liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của công dân. Đây là vấn đề sẽ còn nhiều bàn luận trong thời gian tới. Bởi trước hết là ý thức dân chủ, là trình độ nhận thức về dân chủ và nhu cầu thực sự bức bách về dân chủ, về tự do... của mọi tầng lớp dân cư đang ngày càng tăng lên rõ rệt. Ý thức đó của người dân trước hết hướng vào việc chống lại nhà cầm quyền của các chế độ toàn trị, cực quyền, độc đoán, mất dân chủ hết sức nặng nề và kéo dài nhiều năm để giành quyền được sống, quyền tự do, để được bình đẳng thể hiện ý nguyện và bộc lộ tất cả năng lực bản thân vốn có của mình.

Thứ hai, đó là bất đồng chính trị sâu sắc giữa một số quốc gia thuộc các thể chế xã hội khác nhau. Có những người thuộc các nhóm, các thế lực ở một số nước vẫn tự coi mình là hình mẫu về dân chủ muốn áp đặt thứ dân chủ theo ý đồ riêng của họ cho các quốc gia và cho các dân tộc khác mà không tính toán những điều khác biệt về truyền thống văn hóa, về hiện trạng chính trị và lịch sử truyền thống của các dân tộc này.

Thứ ba là nhân loại đang bước vào kỷ nguyên cần phải khai thác ở mức độ cao nhất và tạo ra những điều kiện tốt nhất cho sức sáng tạo của tất cả mọi người - kỷ nguyên kinh tế tri thức; kỷ nguyên mà trí tuệ và tri thức của con người đang trở thành năng lực sản xuất trực tiếp; kỷ nguyên đòi hỏi mỗi người phải tự vươn lên bằng nội lực của chính bản thân. Đây cũng là kỷ nguyên mà dân chủ sẽ tạo điều kiện để quần chúng có thể hiện rõ vai trò của mình trong công việc tự mình tạo nên cuộc sống hạnh phúc cho chính mình và tự bảo vệ cuộc sống đó. Nếu từng người cũng như cả cộng đồng không được ảnh hưởng những giá dân chủ thực sự sẽ không có tự do thực sự, sẽ không thể phát huy khả năng sáng tạo và tính chủ động của các cá nhân lẫn cộng đồng. Và một khi không có tự do, không có dân chủ thực sự tồn tại trong xã hội thì càng không thể nói đến việc phát huy năng lực sáng tạo của họ.

Tất cả những lý do trên đây có thể mở ra cho chúng ta một số dự báo về nhu cầu dân chủ ở nước ta trong điều kiện một đảng cầm quyền; một đảng đã có công lao to lớn đối với toàn thể dân tộc và đất nước trong hơn nửa thế kỷ qua, giờ đây đang đứng trước những nhiệm vụ vô cùng khó khăn đưa đất nước đi lên trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế rộng rãi vì mục tiêu dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, dân giàu, nước mạnh.

Trước hết, chúng ta cần phải tính đến trình độ dân trí, trình độ học vấn ngày càng nâng cao của mọi tầng lớp dân cư, nhất là tầng lớp có học vấn cao và được tiếp tục căng thẳng nhiều với thế giới. Thực tế cho thấy, xã hội càng phát triển thì nhu cầu về dân chủ càng lớn, trước hết là dân chủ trực tiếp. Không ai là người hiểu, biết và đánh giá các ứng cử viên bất cứ chức danh nào tại khu vực họ cư trú và làm việc hơn là dân? Vì vậy, sự lựa chọn của người dân thường không sai dù họ không bị ép buộc, nếu không có quyền lực sai khiến, không được đồng tiền chi phối. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh rằng “dân là chủ” và “dân làm chủ”. Không phải ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đề ra trách nhiệm cho tất cả các địa phương trong nước phải phát hiện người tài trong dân chúng và báo cáo cho phủ Chính phủ.

Tình trạng cử tri không hoặc ít được tiếp xúc với người do mình bỏ phiếu bầu ra là một trong những minh họa điển hình nhất của dân chủ hình thức. Tương tự như vậy, việc chọn ai, bỏ ai trong danh sách các ứng viên vào các chức danh khác nhau ở tất cả các cấp cũng còn hình thức. Để cử tri bầu mà chính người được giới thiệu ứng cử không có chương trình hành động hoặc số người được giới thiệu quá ít cho sự lựa chọn thì cũng là một hình thức. Đó cũng là lý do vì sao chúng ta bỏ sót người tài. Gần đây có một số cơ quan, trường học và địa phương tiến hành lựa chọn số người vào các chức danh gồm nhiều viên thông qua trình bày các chương trình hành động của họ là việc làm khoa học và là bước tiến đáng được nhân rộng, nên nâng cấp thành quy định buộc. Trong tương lai, những người được đưa vào danh sách bầu cử, bên cạnh việc giới thiệu của tổ chức từ trên xuống, nên có cả giới thiệu trực tiếp từ dưới lên của dân, của cử tri. Dân chủ trực tiếp là xu hướng tất yếu mà chúng ta sẽ phải tiến hành ở tất cả các cấp để tạo sự đồng thuận xã hội và để giảm thiểu sự thiếu niềm tin đang có chiều hướng gia tăng rất đáng lo trong những năm gần đây.

Một xã hội thiếu dân chủ cũng đồng thời là xã hội không công khai, thiếu minh bạch. Mà nếu không công khai những điều đáng phải công khai, đáng phải minh bạch thì đồng nghĩa với sự dung dưỡng cho nạn tham nhũng, sự lạm quyền, nạn mua bán chức tước từ nhỏ đến lớn, cho những nhóm lợi ích bất minh lan tràn.

Một chế độ dân chủ thực sự sẽ hạn chế, ngăn ngừa và tiến tới xóa bỏ được nạn tham nhũng lớn, đồng thời giảm bớt tham nhũng vặt tại các cơ quan công quyền. Tình trạng không công khai, không minh bạch đang làm cho nhiều chính sách khá đúng, hoặc rất đúng, nhưng không đi vào hoặc rất khó đi vào đời sống một cách có hiệu quả, trong đó có chính sách xóa đói, giảm nghèo, chính sách hỗ trợ người nghèo, làm cho niềm tin của người dân bị giảm nhẹ.

Vậy điều gì đã dẫn đến sự suy giảm niềm tin của người dân vào các chính sách của Đảng và Nhà nước? Đó là tình trạng dân chủ hình thức; là không công khai, không minh bạch, không có kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan công quyền trong việc thực hiện các chính sách đã được cấm hành động. Trong thực tế, đã xuất hiện một số cán bộ thoái hóa phẩm chất đạo đức trong việc thực thi chính sách xóa đói, giảm nghèo - một cuốn sách chính lớn, rất đúng, rất hợp lòng dân của Nhà nước ta, bằng cách cắt xén, ăn chặn tiền xóa đói, giảm nghèo của người dân đói hoàn cảnh khó khăn. Chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hóa và nhập quốc tế rộng rãi, thời đại công nghệ thông tin và tăng trưởng hết sức nhanh chóng của các phương tiện truyền thông đại chúng, nhất là các trang mạng xã hội. Các trang mạng xã hội lan truyền với tốc độ chóng mặt. Qua các phương tiện này, không chỉ cái hay, cái tốt mà cả những cái xấu, cái dở cũng truyền đi rất nhanh, thậm chí cả những bí mật đôi khi cũng được phát hiện khó khăn bằng cách thu lại. Vì vậy, những cái không đáng bí mật thì cần công khai một cách chính thức để tránh bị lợi dụng. Dân chủ, bình đẳng, chống độc quyền trong việc tiếp nhận thông tin là một trong những cách tốt nhất để tạo sự đồng thuận trong xã hội, đồng thời cũng là cách để tránh cả lợi ích dẫn đến phòng hình thành các nhóm lợi ích bất minh, phi pháp và tiêu cực. Có dân chủ trong thông tin thì mới có phản hồi mang tính xây dựng, nhờ đó mà Đảng và Nhà nước mới có thể hoàn thiện các quyết sách, đưa ra các quyết định đúng và tránh được bệnh chủ quan, duy ý chí và cả bệnh giáo điều không kém phần tai hại. Dân chủ đòi hỏi phải được đối thoại; tranh luận để tạo ra sự đồng thuận, tìm ra phương án tốt nhất cho bất kỳ công việc gì trước khi nó được quyết định và trở thành chính sách, thành luật quốc gia. Thời gian qua, vì không coi phản biện và đối thoại là phương pháp khoa học trong một xã hội dân chủ nên đã có một số quyết định không được lòng dân, kém hiệu quả dẫn đến giảm sút lòng tin của người dân. Nhu cầu đối thoại sẽ là một trong những nhu cầu chính đáng và vô cùng có lợi để xã hội phát triển nhanh hơn và phát triển đúng hướng.

Trong điều kiện chỉ có một đảng cầm quyền thì đối thoại cởi mở và dân chủ là phương pháp tốt nhất để tranh thủ trí tuệ của cả dân tộc. Trong đối thoại, biết tiếp thu những ý kiến đúng, có giá trị và khoa học thì chỉ có lợi cho đất nước và

cho dân tộc, cho đảng cầm quyền. Nếu một đảng cầm quyền duy nhất mà không tập hợp trí tuệ của cả dân tộc, đặc biệt là trí tuệ của tầng lớp tinh hoa, thì đất nước sẽ khó phát triển nhanh và bền vững. Việc thực hiện dân chủ một cách thực chất là đòi hỏi bắt buộc để đưa đất nước đi lên nhờ sự đồng thuận xã hội, nhờ năng lực sáng tạo của cả dân tộc, trong đó có tài năng của các tầng lớp trí thức.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, trọng trách gánh vác của Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng duy nhất cầm quyền là vô cùng lớn lao, nặng nề đối với cuộc vận mệnh dân tộc, đối với sự phát triển của đất nước để tránh tụt hậu xa hơn so với các nước khác. Muốn hoàn thành được trọng trách đó nhất thiết phải tạo ra sự đồng thuận của toàn xã hội, phải huy động, tập hợp và phát huy trí tuệ của cả dân tộc. Dân chủ là một trong những động lực quan trọng giúp Đảng đạo hoàn thành trách nhiệm.

2. Một số giải pháp phát huy dân chủ, thực hành dân chủ trong kiện một đảng duy nhất cầm quyền ở nước ta hiện nay

Dân chủ là một chủ đề nhạy cảm không chỉ trong quan hệ quốc tế mà ngay trong nội bộ mỗi nước. Ở mỗi nước, chế độ dân chủ có quá trình hình thành và nhìn chung ngày càng trở nên hoàn thiện hơn. Quá trình này diễn ra phụ thuộc vào những điều kiện khách quan và chủ quan cụ thể của từng nước trong từng giai đoạn. Ai cũng coi dân chủ là một giá trị, cũng muốn đất nước càng dân chủ hơn. Nhưng vấn đề phức tạp là ở chỗ, thực hiện dân chủ như thế nào cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta trong từng giai đoạn? Trong xã hội thường có một số cá nhân và tổ chức lợi ích chiêu bài dân chủ để thực hiện lợi ích của mình và làm tổn hại đến lợi ích chung. Do đó, việc thực hành dân chủ phải được tiến hành cẩn thận. Phát huy và thực hành dân chủ không đúng có thể dẫn đến trạng thái vô chính phủ; điều đó sẽ cản trở sự phát triển của đất nước. Ranh giới giữa dân chủ và vô chính phủ tuy lý thuyết là rất rõ ràng, nhưng trên thực tế rất mờ nhạt. Việc đưa ra các quy định về mục tiêu mở rộng dân chủ cần phải đáp ứng được những yêu cầu là làm cho dân giàu hơn, nước mạnh hơn, xã hội công bằng hơn, văn minh hơn, trật tự an toàn được đảm bảo hơn. Nếu thực hiện một quy định nào đó mà không đáp ứng được các yêu cầu này thì chưa nên thực hiện. Thực hành dân chủ là một quá trình. Thực hành dân chủ nhiều hơn phải đi liền với việc mang lại ấm no và hạnh phúc nhiều hơn cho Nhân dân. Sự nóng nảy muốn áp dụng ngay mô hình dân chủ của các nước nào đó có thể gây ra hậu quả xã hội nghiêm trọng.

Một là, thực hành dân chủ trong Đảng để nêu tấm gương thực hành dân chủ trong xã hội

Thực hành dân chủ trong Đảng tác động mạnh mẽ đến thực hành dân chủ trong xã hội, đặc biệt là tác động nêu gương. Đảng nêu tấm gương thực hành dân chủ bằng cách:

Phải thực hiện dân chủ trong mọi hoạt động của Đảng, trong mọi quan hệ của Đảng: quan hệ trong nội bộ Đảng và quan hệ với các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đảng nêu gương trong việc tôn trọng pháp luật; giáo dục kỷ luật cho các tổ chức đảng và đảng viên sống có kỷ cương, kỷ luật.

Tạo ra bầu không khí dân chủ trong Đảng đủ sức tỏa sáng ra toàn xã hội, làm cho tất cả mọi người đều cảm thấy sự hấp dẫn của Đảng và ngày càng tin tưởng và làm theo Đảng.

Các tổ chức đảng và các đảng viên cần tích cực đấu tranh chống bệnh quan liêu, tham nhũng, hành dân, coi thường pháp luật, đặc quyền, đặc lợi.

Hai là, thực hành dân chủ trong mọi hoạt động của Đảng

- Thực hành dân chủ trong công tác lý luận.

Để thực hiện hành động dân chủ trong công tác lý luận, Đảng cần thực hiện các giải pháp sau đây:

Phải chế độ hóa cụ thể hơn nữa các chủ trương của Đảng về dân chủ.

Cần sớm khắc phục tình trạng dân chủ hình thức.

Các vấn đề lý luận phải luôn được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sẵn sàng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân để sửa đổi những điều không xác đáng, bổ sung những điều cần thiết.

Trước khi Đảng quyết định một vấn đề quan trọng, cần trải qua nhiều cuộc tranh luận, nên khuyến khích và thực hiện phản biện xã hội rộng rãi vì phản biện xã hội là sự cần thiết khách quan, là một biểu hiện cụ thể của dân chủ.

Sớm ban hành quy chế dân chủ trong công tác lý luận để tạo lập môi trường dân chủ trong công tác luận. Chính vì thế, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng đã chủ trương tạo môi trường dân chủ thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm kiếm, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong nghiên cứu lý luận.

- Thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng.

Thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng của Đảng là nội dung rất quan trọng trong hoạt động của Đảng. Để làm được điều đó, Đảng cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây trong công tác tư tưởng:

Phải làm cho tư tưởng con người được giải phóng hoàn toàn.

Phải thường xuyên cung cấp thông tin để dân biết, dân bàn, trừ những vấn đề cần giữ bí mật, còn mọi công việc đều phải công khai, minh bạch.

Công tác tư tưởng phải khách quan, khoa học, nói đúng sự thật.

Phải mở rộng dân chủ trong công tác tư tưởng.

Nói đi đôi với làm, tránh tình trạng nói nhưng không làm gây mất lòng tin của nhân dân.

- Thực hành dân chủ trong công tác tổ chức.

Thực hành dân chủ trong công tác tổ chức có nghĩa là thực sự phát huy dân chủ, gắn bó mật thiết với Nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Để giải quyết tình trạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp, bộ máy còn chồng chéo, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý... thì cần phải thực hiện dân chủ trong công tác tổ chức. Dân chủ, công khai và công bằng trong công tác tổ chức đang đòi hỏi phải đổi mới công tác đó.

- Thực hành dân chủ trong công tác cán bộ.

Cần thực hiện dân chủ trong toàn bộ các khâu của công tác bộ, phải dựa vào Nhân dân để xây dựng đội ngũ cán bộ. Trong các khâu của công tác cán bộ thì khâu đánh giá cán bộ là một cách thông minh, đúng đắn trên cơ sở để khai báo, công bằng, công tâm, dân chủ và bất kỳ ý kiến nhận xét nào của Nhân dân về tư cách, đạo đức, về trách nhiệm của người cán bộ là hết sức cần thiết. Khâu quy hoạch cán bộ cần vận dụng tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ, đảm bảo vai trò lãnh đạo tập trung của cấp ủy đi đôi với nhiệm vụ phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời mở rộng dân chủ trong phát hiện nguồn cán bộ, phát hiện tài năng. Quy hoạch cán bộ phải được tiến hành công khai và dân chủ, từ khâu tuyển chọn nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch đến quá trình đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thực tiễn và bố trí, sử dụng cán bộ. Khâu luân chuyển cán bộ cũng đòi hỏi thực thi dân chủ, để phòng trường hợp lợi dụng chủ trương luân chuyển cán bộ để đưa những người không thuộc phe cánh đi nơi khác, nhận những người thân cận với mình về. Vì

thể, công tác luân chuyển cán bộ nhất thiết phải được thảo luận dân chủ, công khai. Đề phòng cả tư tưởng cục bộ, bản vị, không tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ được luân chuyển đến địa phương, cơ quan, đơn vị mình, thậm chí còn lôi kéo bè cánh, cô lập, vô hiệu hóa cán bộ mới đến. Chính vì vậy, phải thực hành dân chủ trong luân chuyển cán bộ để khắc phục tình trạng đó.

Trong khâu quản lý cán bộ cần nghiên cứu phân cấp quyền hạn và trách nhiệm quản lý giữa các cấp độ trung ương và địa phương, giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Phải đảm bảo tính dân chủ trong chính sách cán bộ. Điều đó thể hiện: (1) Mọi cán bộ đều có quyền được tham gia ý kiến, trao đổi các vấn đề liên quan tới quyền lợi của cán bộ trước khi chính sách được ban hành. Bộ phận làm sách phải bám sát thực tiễn, lắng nghe, tôn trọng ý kiến của Nhân dân để từ đó đề ra hay điều chỉnh chính sách cho phù hợp. (2) Phải có cơ chế để đảm bảo cho cán bộ giám sát quá trình triển khai các chính sách cán bộ trong thực tế.

- Thực hành dân chủ trong công tác kiểm tra, giám sát.

Kiểm tra, giám sát là một trong những hoạt động quan trọng nhất của Đảng ta. Trong một chế độ thực sự dân chủ, mọi hoạt động của các thiết chế quyền lực và của các cá nhân có phận sự trong các thiết chế đó đều đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân. Trong chế độ đó, các cơ quan và cá nhân đại diện cho Nhân dân có nghĩa vụ báo cáo trước Nhân dân mọi hoạt động liên quan tới lợi ích; Nhân dân có quyền chất vấn và các cơ quan, cá nhân tương ứng có nghĩa vụ trả lời một cách trung thực. Kiểm tra giám sát không chỉ trong Đảng mà còn trong toàn bộ hệ thống chính trị. Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát Đảng thì một nội dung quan trọng phải làm là thực thi dân chủ trong công tác kiểm tra.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng.

Để đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng, cần thực hiện các giải pháp sau:

Phải nhanh chóng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định hệ thống, quy chế làm việc của các cơ quan lãnh đạo và tham mưu của Đảng ở mọi cấp, mọi ngành và từng lĩnh vực.

Đảng phải cầm quyền vì dân, cầm quyền một cách dân chủ, khoa học và cầm quyền theo pháp luật; Lãnh đạo bằng sự gương mẫu, nhất là gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng phải được tiến hành đồng bộ với việc sắp xếp lại bộ máy và đổi mới hoạt động của cả hệ thống chính trị.

Nâng cao văn hóa lãnh đạo và văn hóa chính trị là nội dung quan trọng của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Ba là, Thực hành dân chủ trong mọi quan hệ của Đảng

- Thực hiện dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới trong nội bộ đảng. Để thực hiện dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng thì cần có các giải pháp cơ bản sau đây:

Các cấp ủy từ cơ sở đến trung ương phải mẫu mực về sinh hoạt dân chủ nội bộ và về chất lượng lãnh đạo của cả cấp trên và cấp dưới.

Dân chủ cấp trên và cấp dưới phải được thể chế hóa, quy trình hóa.

Quyền lực chính trị của Đảng cần có sự phân chia, phân phối hợp lý và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan thuộc bộ máy của đảng, giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng đòi hỏi phải đảm bảo kết hợp hài hòa giữa cấp trên và cấp dưới, giữa lãnh đạo tập thể và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu tổ chức, đồng thời mọi hoạt động của bộ máy đều phải được kiểm tra, giám sát.

Để thực hành dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng thì cả cấp trên và cấp dưới phải được phối hợp khắc phục và đề phòng các hiện tượng tiêu cực đã, đang và có thể xảy ra trong Đảng. Cùng với việc thực hành dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng, phải tăng cường kỷ cương, kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ.

- Thực hành dân chủ trong sinh hoạt nội bộ của các tổ chức đảng.

Để bảo đảm và phát huy vai trò lãnh đạo Đảng, cần có những giải pháp chủ yếu sau đây:

Phải đổi mới tư duy về sinh hoạt đảng, phải gắn sinh hoạt đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, trong đó phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ rồi chốt, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng thần của xã hội.

Tập hợp sức mạnh tổ chức và các điều kiện cần thiết khác để xây dựng, rèn luyện và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên, để nâng cao tính tự giác, phát huy vai trò chủ thể, chủ động của cán bộ, đảng viên trong tổ chức đảng.

Nội dung sinh hoạt đảng cần được cải tiến hơn nữa theo hướng tập trung phát hiện và khắc phục những hiện tượng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, hối lộ, làm sai, làm trái pháp luật, những hiện tượng mất dân chủ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ.

Xây dựng và thực hiện một số quy chế đảm bảo phát huy hơn nữa dân chủ trong Đảng; tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên.

Thực hành dân chủ trong sinh hoạt đảng đòi hỏi phải tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với Nhân dân, nhận thức đúng vai trò, vị trí của Nhân dân; việc đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách phải xuất phát từ quyền lợi của Nhân dân và thực sự phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, thẳng thắn.

Bốn là, đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước

Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, cụ thể cần tiến hành các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước vừa phải tiến hành trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vừa phải rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế làm việc của các cơ quan lãnh đạo và tham mưu của Đảng ở mọi cấp, mọi ngành và từng lĩnh vực, đồng thời thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, trong Nhà nước và trong xã hội; đẩy mạnh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị, việc quán triệt nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước phải làm cho quyền làm chủ của Nhân dân được thực hiện tốt hơn. Đảng phải trở thành tấm gương về dân chủ trong phương thức lãnh đạo. Phương thức lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước không có gì hơn là Đảng thực hiện lãnh đạo Nhà nước một cách dân chủ, bằng nguyên tắc dân chủ.

Thứ ba, đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng đối lập với Nhà nước phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ thay đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt công tác xây dựng Đảng, với đổi mới tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, để thực hành dân chủ trong phương thức lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước thì phải nâng cao văn hóa lãnh đạo và quản lý Đảng và Nhà nước. Văn hóa chính trị thể hiện ở chỗ các nhà lãnh đạo luôn phải lấy dân là gốc, dân phải là chủ và dân phải làm chủ. Người lãnh đạo phải đi sâu, đi sát, gần Nhân dân; lắng nghe ý kiến của Nhân dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; tôn trọng, học hỏi dân. Muốn xây dựng văn hóa lãnh đạo và quản lý thì phải kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, mệnh lệnh, ý thế cậy quyền, coi thường dân, ức hiếp dân.

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Để thực hành dân chủ trong phương thức lãnh đạo Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần có những giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng, coi đó vừa là tiền đề, vừa là điều kiện để đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội không thể tự mình đổi mới nếu Đảng không đổi mới phương thức lãnh đạo. Đồng thời, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là một bộ phận không thể tách rời của quá trình tiếp tục đổi mới cả hệ thống chính trị nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Thứ hai, Đảng cần xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có vị trí, vai trò, chức năng độc lập, cụ thể trong xã hội; là tổ chức tiêu biểu của Nhân dân, đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Thứ ba, Đảng cần phát huy vai trò thực hành dân chủ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện một đảng cầm quyền. Nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội của mình để thực hiện quyền làm chủ; do đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là một phương thức rất quan trọng để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Vì thế, việc thực thi dân chủ trong phương thức lãnh đạo Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là rất quan trọng.

Thứ tư, Đảng cần đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để giải quyết tình trạng “hành chính hóa” và “nhà nước hóa”. Mô hình tổ chức các tổ chức chính trị - xã hội phải đa dạng và linh hoạt hơn.

Thứ năm, thể chế hóa vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với Đảng và Nhà nước.

Thứ sáu, thể chế hóa vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Sáu là, Đảng phải quan hệ mật thiết với Nhân dân, phải thực hành dân chủ trong xã hội

Quan hệ giữa Đảng và Nhân dân được hình thành trong quá trình cách mạng rất mật thiết, khăng khít, tuy nhiên vẫn có lúc Đảng mắc sai lầm, khuyết điểm.

Chính vì thế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã rút ra bài học phải “lấy dân làm gốc”.

Thứ nhất, cần phải đánh giá khách quan, thẳng thắn, chỉ ra những thành tựu và hạn chế của việc thực hành dân chủ trong xã hội. Phải tiếp tục xây dựng nền dân chủ, đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân dân. Dân làm chủ thì dân phải có quyền quyết định.

Thứ hai, để cầm quyền và lãnh đạo lâu dài, hơn lúc nào hết Đảng cần thực sự chăm lo bồi đắp cơ sở quần chúng và cơ sở tổ chức của Đảng. Sự cầm quyền và lãnh đạo của Đảng phải vì dân và dựa vào dân. Đảng cần luôn căn cứ vào sự thay đổi tình thế và yêu cầu thực tiễn, kế thừa, sáng tạo mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, mở rộng con đường liên lạc thông suốt giữa Đảng và quần chúng, tìm tòi và hình thành một loạt các chế độ về mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng.

Thứ ba, cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của Nhân dân. Có cơ chế cụ thể để Nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp theo đúng phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Việc phát huy dân chủ đòi hỏi phải đi liền với việc đề cao trách nhiệm công dân và bảo đảm giữ vững kỷ luật, kỷ cương xã hội. Mỗi người dân cần nâng cao sự hiểu biết về chính sách, pháp luật và có ý thức phát huy quyền làm chủ của mình, tích cực tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, vi phạm dân chủ ở cơ sở.

Thứ tư, Đảng phải biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến trong xã hội, lấy đó làm cơ sở để hoạch định và tổ chức thực hiện các quyết định của mình. Đường lối, chính sách được hoạch định trên cơ sở đó là một biểu hiện quan trọng quyền lực nhân dân đối với sự phát triển xã hội. Đảng biết dựa vào dân để sửa chính sách, sửa cán bộ của mình. Bằng cách đó, Nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng Đảng về chính trị, tổ chức và cán bộ. Quyền lợi của Nhân dân đối với đảng cầm quyền được tăng cường. Đảng phải biết sử dụng dân chủ để đưa ra các quyết định vào quần chúng cũng như trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các quyết định đó. Bằng sự thuyết phục sâu sắc, Đảng làm cho Nhân dân tiếp nhận các quyết định

của Đảng như quyết định của chính mình. Bên cạnh đó, chúng ta phải có đội ngũ cán bộ có năng lực, cụ thể: Phải nắm chắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nếu bản thân người tổ chức thực hiện mà không quán triệt thì không thể truyền đạt, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật cho người khác được. Chủ thể quản lý và đối tượng quản lý đều phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành hoặc địa phương mình. Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đề ra chung cho cả nước; các ngành, các địa phương phải vận dụng sáng tạo phù hợp với đặc điểm của ngành mình, địa phương mình.

Trên cơ sở quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nắm vững chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành mình, địa phương mình, phải vạch ra chương trình hành động và kế hoạch chi tiết, cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành hoặc địa phương. Đó là yêu cầu không thể thiếu trong năng lực tổ chức thực hiện. Sau khi đã có chương trình hành động và kế hoạch cụ thể, chi tiết rồi phải tổ chức phân công, phối hợp giữa các đoàn thể, cá nhân, ai làm nhiệm vụ gì, ai chịu trách nhiệm chính. Mọi việc phải được phân công hợp lý, rõ ràng, minh bạch, nêu rõ quyền lợi và trách nhiệm để mọi người hiểu rõ và thi hành. Khi đã có chủ trương, kế hoạch rồi thì phải tìm ra biện pháp, hình thức, giải pháp để thực hiện. Biện pháp, hình thức, giải pháp càng phong phú, càng linh hoạt, càng hấp dẫn càng tốt. Ở đây cũng đòi hỏi sự sáng tạo của những người tổ chức thực hiện chính sách. Chủ trương một thì kế hoạch mười và biện pháp phải một trăm, càng sáng tạo thì càng tốt. Vận động quần chúng thực hiện. Đây là khâu cuối cùng trong việc tổ chức thực hiện và cũng là khâu có ý nghĩa quyết định.

KẾT LUẬN

Dân chủ và thực hành dân chủ là một vấn đề khó, bao quát trên phạm vi rộng lớn từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội và đời sống con người. Đặc biệt, đối với Việt Nam, thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là một vấn đề lý luận và thực hiện phức tạp, khá mới mẻ trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có thể nói, dân chủ là một loại giá trị phổ biến của toàn nhân loại. Lịch sử phát triển của các nước trên thế giới cho thấy, quốc gia nào cũng cố gắng hướng tới thực hiện dân chủ theo quan niệm, cách thức, phương pháp của mình trên cơ sở phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Không có mô hình chung về thực hành dân chủ cho tất cả các nước. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, việc thực hành dân chủ ở mỗi nước đều có cả những điểm hợp lý lẫn những hạn chế nhất định. Cần phải đẩy mạnh nghiên cứu về thực hành dân chủ ở các nước trên thế giới để có thể tham khảo, từ đó rút ra những kinh nghiệm hữu ích nhằm thực hiện ngày càng tốt hơn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trong gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Những kết quả ấy có được là do nhiều nguyên nhân, trong đó, có việc thực hành dân chủ trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, việc thực hành dân chủ trong điều kiện nước ta hiện nay cũng gặp phải nhiều khó khăn và thách thức, đồng thời còn có một số yếu kém, hạn chế nhất định.

Thực hành dân chủ là tiến trình đưa quan điểm, lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ thành hiện thực trong cuộc sống, là phát huy vai trò “là chủ” và “làm chủ” của Nhân dân trong cuộc xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Việc thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế cần phải tuân thủ những quan điểm, định hướng rõ ràng, đúng đắn và có tính nguyên tắc. Đặc biệt, để tiến trình thực hành dân chủ phát huy hiệu quả, trở thành động lực thúc đẩy xã hội tiến lên, cần thiết phải sử dụng một hệ thống các biện pháp đồng bộ, toàn diện và có tính khả thi. Thực hành dân chủ nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, huy động trí tuệ của Nhân dân... chính là phương thức để Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen (1991), *Toàn tập*, tập 1, 2, 4, 16, 20, 46, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội;
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội;
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
10. Hội đồng lý luận trung ương (2011), *Dân chủ nhân quyền – giá trị toàn cầu và đặc thù quốc gia*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
11. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
12. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 1, 3, 4, 16, 42, 46, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;
13. V.I. Lênin (2005), “Bàn về dân chủ trong quản lý xã hội”, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội;
14. Nguyễn Phú Trọng, Tô Huy Rúa, Trần Khắc Việt (2005), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	1
NỘI DUNG	
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	2
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ...	2
1. Một số vấn đề lý luận về dân chủ.....	2
2. Một số vấn đề lý luận về thực hành dân chủ.....	19
II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM.....	29
1. Trong điều kiện một đảng cầm quyền vẫn phát huy được dân chủ và thực hành tốt dân chủ	29
2. Vấn đề thực hành dân chủ ở chế độ một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam..	31
Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	37
I. THỰC TRẠNG PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	37
1. Những thành tựu đạt được.....	37
2. Một số hạn chế về thực hành dân chủ trong thời gian qua	49
II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.	55
1. Dự báo thực hành dân chủ trong thời gian tới	55
2. Một số giải pháp phát huy dân chủ, thực hành dân chủ trong kiện một đảng duy nhất cầm quyền ở nước ta hiện nay.....	58
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	68